CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD
ITD TECHNOLOGY CORPORATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD
Thời gian ký: 25.06.2026 17:50:50 +07:00

Thông điệp từ Chủ tịch HĐQT 03

ITD năm 2025 04

- Tầm nhìn, sứ mệnh, và giá trị cốt lõi 05
- Tình hình tài chính nổi bật 2025 06
- Kết quả hoạt động tài chính 2021-2025 08

Tổng quan về ITD 09

- Thông tin chung 10
- Lịch sử hình thành và phát triển 11
- Ngành nghề kinh doanh 13
- Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý 14
- Thông tin vốn cổ phần và cổ đông 15

Phân tích hoạt động kinh doanh 16

- Đánh giá BGĐ về kết quả kinh doanh 2025 17
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGĐ công ty 19
- Kế hoạch và định hướng của HĐQT 22
- Đánh giá của HĐQT độc lập 25

Báo cáo quản trị 26

- Quản trị công ty năm 2025 27
- Tổ chức và nhân sự 39
- Quản trị rủi ro 41

Báo cáo phát triển bền vững 43

Báo cáo tài chính 45

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thân gửi quý cổ đông, quý khách hàng, quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Công Nghệ ITD (ITD),

Năm 2025 vừa qua là một năm nhiều biến động đối với kinh tế toàn cầu và trong nước. Bối cảnh thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng từ căng thẳng địa chính trị, biến động giá năng lượng, cùng với xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn đã tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Trong nước, dù kinh tế vĩ mô duy trì được sự ổn định tương đối, nhưng nhu cầu thị trường phục hồi chậm, áp lực chi phí vốn và cạnh tranh gia tăng đã đặt ra không ít thách thức cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung và Công ty chúng ta nói riêng.

Năm 2026 ITD đang bước vào một chu kỳ phát triển mới. Trong giai đoạn trước, tập đoàn đã tạo dựng năng lực và kinh nghiệm trong giao thông thông minh, tự động hóa công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin. Các năng lực này là nền tảng quan trọng để ITD bước vào giai đoạn tiếp theo: tập trung hơn, có kỷ luật vốn hơn và gắn chặt hơn với các xu hướng lớn của nền kinh tế số.

Định hướng chiến lược 2030 của ITD là phát huy nền tảng năng lực đã xây dựng trong hơn 30 năm và tập trung rõ hơn vào các lĩnh vực tăng trưởng cao trong kỷ nguyên AI, bao gồm hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, dịch vụ AI và kỹ thuật số. Chủ đề “Từ Hạ tầng đến Trí tuệ” thể hiện khát vọng kết hợp năng lực hạ tầng, công nghệ và đầu tư chiến lược để tạo giá trị dài hạn cho cổ đông.

Mục tiêu của định hướng này không chỉ là tăng doanh thu. Quan trọng hơn, ITD hướng tới nâng chất lượng doanh thu, cải thiện hiệu quả sử dụng vốn, phát triển các dòng doanh thu có tính tái tục cao hơn, mở rộng khả năng hợp tác quốc tế và từng bước nâng vị thế của tập đoàn trên thị trường vốn.

Chúng tôi tin rằng, với nền tảng đã được củng cố cùng tinh thần đổi mới, Công ty sẽ từng bước tận dụng tốt các cơ hội của thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

ITD cam kết duy trì chính sách cổ tức ổn định, công bằng và minh bạch, trên cơ sở cân đối hài hòa giữa lợi nhuận chia sẻ và nhu cầu tái đầu tư cho tăng trưởng bền vững. Mọi quyết định liên quan tuân thủ pháp luật, công bố thông tin đầy đủ, củng cố niềm tin và khẳng định cam kết dài hạn đối với Quý Cổ Đông

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã luôn đồng hành và ủng hộ Công ty Cổ phần Công nghệ ITD. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và hỗ trợ từ Quý vị trong những năm tới.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT ITD

01

ITD
NĂM 2025



Tầm Nhìn

Trở thành Tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam, nơi cung cấp và kết nối các cơ hội sáng tạo trong việc tiên phong ứng dụng thành công tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào cuộc sống.



Sứ Mệnh

Chúng tôi tự hào đóng góp vào sự thành công của khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm kỹ thuật cao, các giải pháp tích hợp công nghệ mới và dịch vụ xuất sắc.

Giá Trị Cốt Lõi

01 Hoài Bão

Chúng tôi luôn khát vọng làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn thông qua việc triển khai áp dụng những công nghệ mới.

02 Đổi Mới

Chúng tôi luôn nỗ lực, bền bỉ, không ngơi nghỉ trong việc học hỏi, đổi mới, sáng tạo và tiên phong trong mọi hoạt động.

03 Chuyên Nghiệp

Chúng tôi luôn hoàn thành công việc một cách chuyên nghiệp, đúng cam kết và với tinh thần trách nhiệm cao.

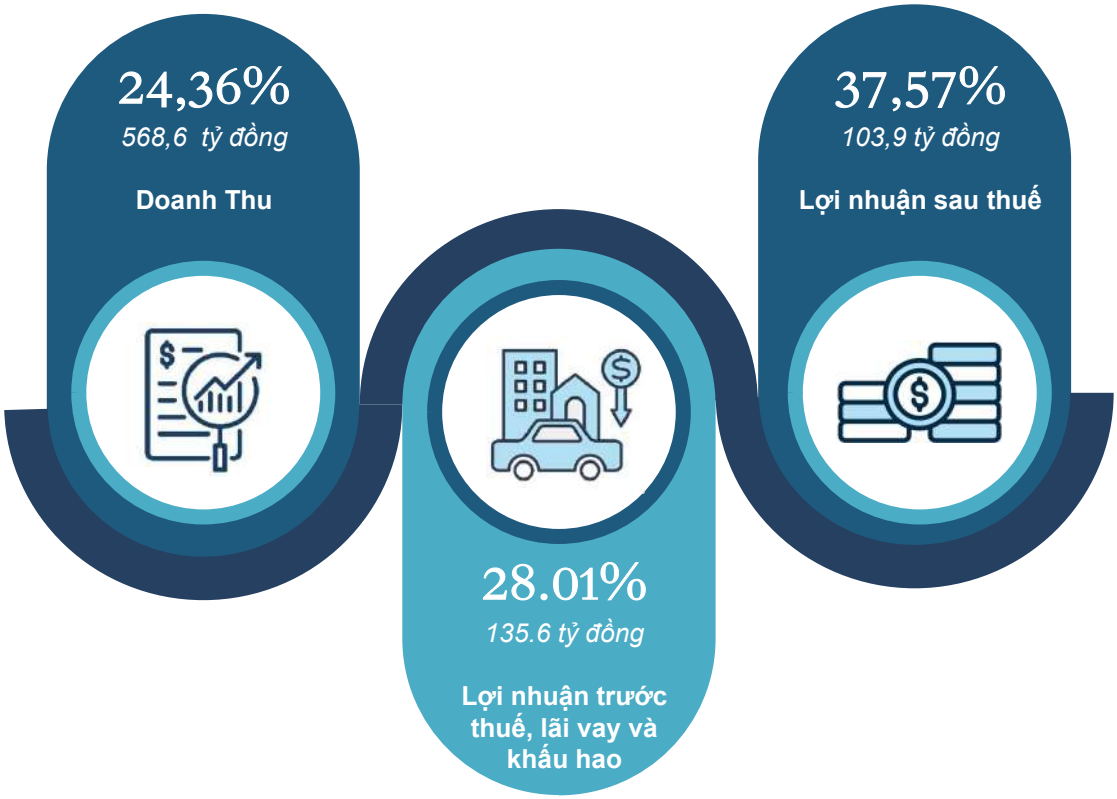
04 Thành Tích

Chúng tôi luôn gắn liền sự phát triển của công ty với những thành tích làm thỏa mãn khách hàng, đối tác, cổ đông và mang lại thành đạt cho mỗi thành viên tập đoàn.

05 Đồng Đội

Chúng tôi luôn tin tưởng, tôn trọng và phối hợp với đồng nghiệp, qua đó bổ sung kiến thức kỹ năng cho nhau, giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ và cùng phát triển nghề nghiệp.

Tình hình tài chính nổi bậc 2025



Doanh thu từ lĩnh vực Giải pháp tích hợp Viễn thông – tin học

↓34.8%

101 tỷ đồng

Doanh thu từ lĩnh vực gia công phần mềm

↑ 16.6%

190 tỷ đồng

Doanh thu từ lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật điện

↓50.9%

212 tỷ đồng

Doanh thu từ lĩnh vực điện tự động

↓34.3%

65 tỷ đồng

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản

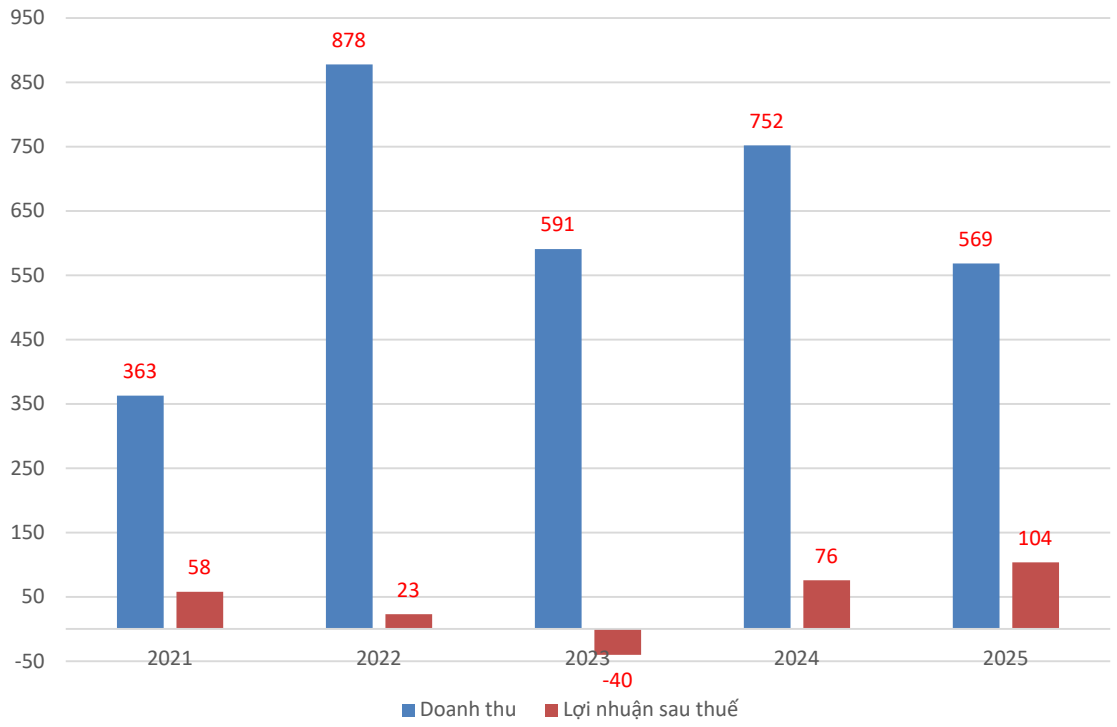
Đơn vị: Triệu đồng

	2024	2025	% tăng/giảm
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh			
Doanh thu	751,854	568,667	-24.36%
Giá vốn	557,299	386,318	-30.68%
Lợi nhuận gộp	194,555	182,349	-6.27%
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	82,611	114,564	38.68%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	105,942	135,616	28.01%
Lợi nhuận sau thuế	75,532	117,409	30.66%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,841	103,909	37.57%
Bảng Cân Đối Kế Toán			
Tài sản ngắn hạn	544,381	457,685	-15.93%
Tài sản dài hạn	137,504	129,719	-5.66%
Tổng tài sản	681,885	587,404	-13.86%
Nợ ngắn hạn	262,433	122,935	-53.16%
Nợ dài hạn	9,809	8,944	-8.82%
Tổng Nợ	272,242	131,879	-51.56%
Vốn chủ sở hữu	409,643	455,525	11.20%
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ			
Dòng tiền hoạt động kinh doanh	(180,032)	215,746	19.84%
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	58,931	(44,514)	-175.54%
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	61,469	(168,484)	374.10%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.08	2.60	
Hệ số thanh toán nhanh	1.90	2.35	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ tổng tài sản	0.38	0.32	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0.58	0.47	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	13.56	7.91	
Doanh thu thuần/ tổng tài sản	1.20	0.90	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.10	0.18	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.20	0.24	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.12	0.16	
Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu	0.11	0.20	

Kết quả hoạt động tài chính 2021-2025

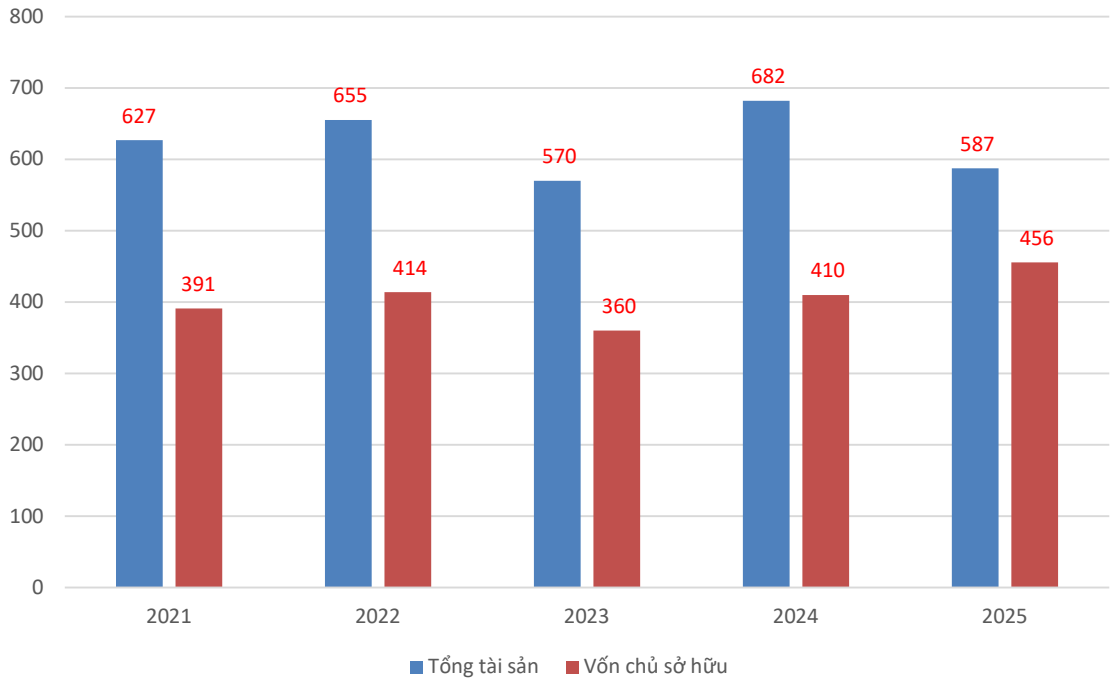
Doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất

Tỷ đồng



Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Tỷ đồng



02

TỔNG QUAN VỀ ITD

TỔNG QUAN VỀ ITD

Thông tin chung

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Công nghệ ITD
Tên giao dịch:	ITA Technology Corporation (viết tắt: ITD Corp)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 20/01/1999
Vốn Điều lệ:	262.449.950.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	262.449.950.000 đồng
Địa chỉ:	Lầu 4, tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận,TPHCM
Số điện thoại:	(028) 3770 1114
Số fax:	(028) 3770 1116
Website:	www.itd.com.vn
Mã cổ phiếu:	ITD



Lịch sử hình thành và phát triển

1994
Thành lập Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Tin học và Điều khiển CATIC tiền thân của ITD bởi một nhóm nhà khoa học trẻ.

1996
Thành lập
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến (AIT)

1997
Thành lập
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính (ST).

1999
Thành lập
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh (QMC)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (ITD)

2006
Thành lập
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông

2007
Thành lập
- Công ty TNHH Global - Sitem (GSC)

2009
- GLT niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX).

2011
- ITD niêm yết trên sàn chứng khoán TPHCM (HOSE).
- Khánh thành Tòa nhà văn phòng ITD Building

Lịch sử hình thành và phát triển

2014 - 2015

- Tái cơ cấu Tập đoàn thành 4 lĩnh vực chính: ITS, ICT, ETI và ECI.
- Ký nhiều hợp đồng về triển khai hệ thống ITS trên Cao tốc HCM – Long Thành – Dầu Giây, cao tốc Hà Nội – Hải Phòng.

2018

- Ký kết thành công dự án lớn - thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc – Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên với chủ đầu tư Công ty TNHH thu phí tự động VETC.

2020

Triển khai thực hiện các dự án trọng điểm như:

- Cung cấp, lắp đặt thiết bị thu phí ô tô tại 17 Cảng hàng không.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống thu phí ETC trạm thu phí Đèo Cả, Cù Mông, Becamex, ...
- Thu phí Dịch vụ Sử dụng Đường bộ Tự động Không dừng giai đoạn 2 (BOO2).

2021

- Trúng thầu dự án xây Trung tâm dữ liệu (Data Center) cho VNG giai đoạn I với giá trị 632 tỷ.

2022

- Hoàn tất triển khai và nghiệm thu dự án xây dựng trung tâm dữ liệu (Data Center) cho VNG.
- Nghiên cứu ứng dụng AI vào các giải pháp trong lĩnh vực giao thông và phát triển thêm các giải pháp khác.
- Hoàn tất góp vốn đầu tư 51% vào Công ty Larion, đẩy mạnh kinh doanh giải pháp và phần mềm.

2023

- Hoàn tất triển khai và nghiệm thu dự án xây dựng hệ thống giao thông thông minh - ITS (Intelligent Transportation System) cho tuyến Cao tốc Cam Lâm -Vĩnh Hảo.
- ITD vinh dự nhận giải thưởng Sao Khuê 5 sao cho sản phẩm Giải pháp phần mềm iTMS - quản lý giao thông thông minh.

2024

- GLT ký hợp đồng với Viettel là 240 tỷ, đã triển khai và nghiệm thu được 227 tỷ.
- ITD chính thức gia nhập Hiệp hội an ninh mạng quốc gia – khẳng định vai trò tiên phong trong bảo vệ không gian số.

TỔNG QUAN VỀ ITD

Ngành nghề kinh doanh

ITD là công ty cung cấp thiết bị và dịch vụ công nghệ thông tin với mục tiêu trở thành nhà cung cấp hạ tầng số hàng đầu tại Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của ITD tập trung chuyên sâu trong 4 lĩnh vực:

1 | Giải pháp tích hợp viễn thông – tin học

Chuyên tích hợp hệ thống cho các dự án B2B và B2G, đầu tư cung cấp và kinh doanh các giải pháp mới. Bên cạnh đó phát triển, triển khai các phần mềm và giải pháp Digital Transformation cho tập đoàn trên nền tảng Platform, SaaS theo định hướng B2B hoặc B2C.

2 | Gia công phần mềm và chuyển đổi số

Phát triển dịch vụ gia công phần mềm và chuyển đổi số với định hướng mở rộng tại các thị trường quốc tế, hướng đến xây dựng doanh nghiệp công nghệ toàn cầu

3 | Hạ tầng kỹ thuật điện

Cung cấp giải pháp trong các lĩnh vực chống sét, năng lượng xanh, các giải pháp tích hợp cho hệ thống trung tâm dữ liệu, đầu tư hạ tầng viễn thông và các loại hình cơ sở điện, hạ tầng khác cũng như cung cấp dịch vụ bảo hành bảo trì chất lượng cao.

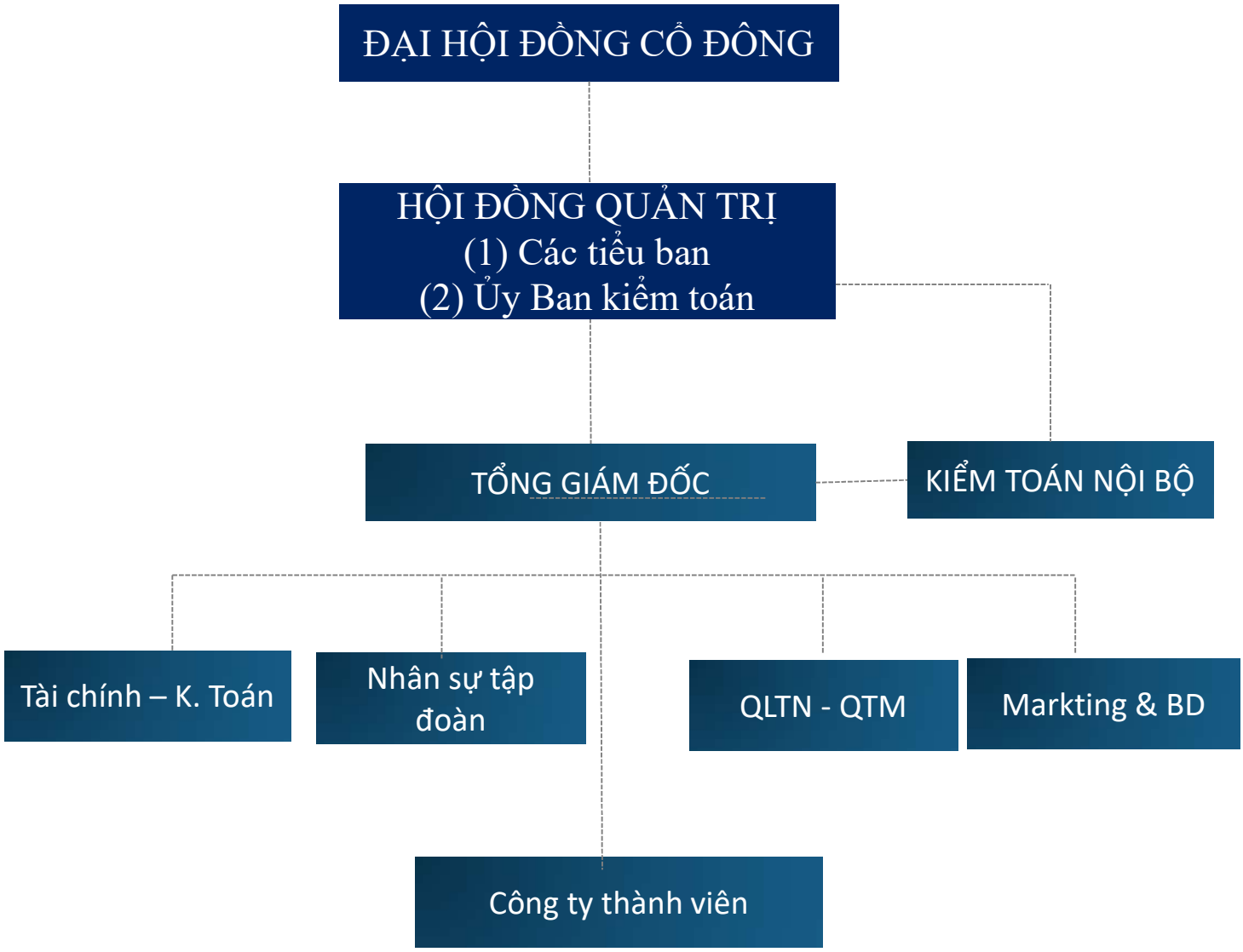
4 | Điện tự động

Cung cấp giải pháp kỹ thuật, dịch vụ để đo lường, tự động hóa các thiết bị, hệ thống điện trong các nhà máy, cung cấp giải phép MES trong công nghiệp.

Địa điểm kinh doanh

Lầu 4, tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận, TPHCM.

Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



Thông tin vốn, cổ phần và cổ đông

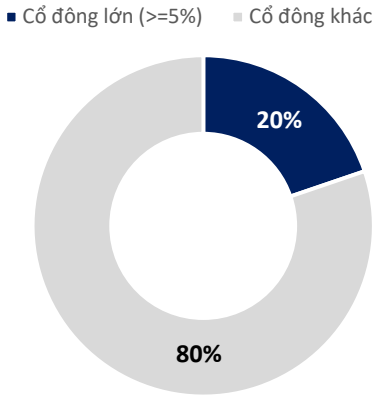
Thông tin vốn và cổ phần

Vốn điều lệ: 262.449.950.000 đồng

Khối lượng cổ phiếu đã phát hành	26.244.995
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.172.807
Khối lượng cổ phiếu quỹ	72.188
Mệnh giá	10.000 VNĐ

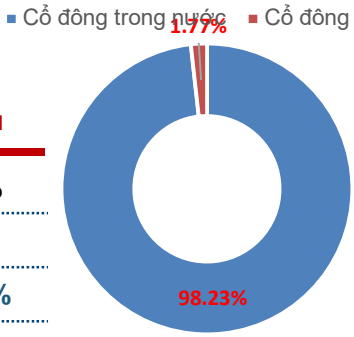
Cơ cấu cổ đông

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn (>=5%)	3	5.232.106	20.00%
Cổ đông khác (<5)	2.138	20.940.702	80,00%
Tổng cộng	**2.141**	**26.172.807**	**100,00%**



Tên cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Mai Hoài An	2.171.682	8,30%
Nguyễn Ngọc Trung	1.569.768	6,00%
Doãn Thị Bích Ngọc	1.490.655	5,70%

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	2.076	25.710.838	98.23%
Cổ đông nước ngoài	65	461.961	1,77%
Tổng	**2.141**	**26.172.807**	**100,00%**



Thay đổi vốn chủ sở hữu

Trong năm phát hành cổ phần chia cổ tức là 7% nên vốn tăng từ 245.335.910.000 đ lên 262.449.950.000 đồng

03

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2025

Bối cảnh

Năm 2025, Công ty và Hội đồng quản trị đã trải qua nhiều biến động cả về bối cảnh thị trường, môi trường kinh doanh cũng như yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Những biến động này xuất phát từ các yếu tố khách quan như sự thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế toàn cầu, áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực công nghệ, cùng với quá trình chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo

Đánh giá kết quả kinh doanh

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính trong năm 2025

Chỉ tiêu	2024	2025	+Tăng/ -Giảm
Tổng giá trị tài sản	681,885	587,404	-13.9%
Doanh thu kinh doanh hợp nhất	751,854	568,667	-24.4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	82,611	114,564	38.7%
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	105,942	135,616	28.0%
Lợi nhuận trước thuế	89,855	117,409	30.7%
Lợi nhuận sau thuế	75,532	103,909	37.6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7%	28%	300%

Năm 2025 ghi nhận kết quả như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất là 568,6 tỷ, đạt 56.86% kế hoạch doanh thu cả năm, giảm 24.4% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ ghi nhận 71.1 tỷ, đạt 177.8 % kế hoạch.

Kế hoạch lợi nhuận đầu năm chưa ước tính một số khoản mục khá lớn về hoàn nhập dự phòng (Bảo hành, phải thu khó đòi) nếu loại trừ các khoản này thì LNST trong năm là 10.8 tỷ chỉ đạt 27% kế hoạch năm.

Về khoản nợ phải thu khó đòi VETC trong năm đã thu được 66,6 tỷ nên công ty đã hạch toán hoàn nhập toàn bộ số 65,77 tỷ đồng.

Đối với dự án IVU: Đã thương thảo thành công chấm dứt hoàn toàn nghĩa vụ dự án và đã ghi nhận tăng chi phí là 5,3 tỷ đồng

Đánh giá Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh 2025

Sự kiện chính năm 2025

- Công ty cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn cầu ký kết hợp đồng hợp đồng với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel cho gói thầu thuộc dự án xây dựng hạ tầng viễn thông trọng điểm tại TP.Hồ Chí Minh, thuộc dự án Đầu tư xây dựng tòa nhà TT1 khu H158 thành phố Hồ Chí Minh làm tổng trạm khu vực phía Nam.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Năm 2025, Tổng tài sản hợp nhất của ITD Group cuối năm tài chính là 587 tỷ giảm 95 tỷ, trong đó tài sản ngắn hạn giảm 87 tỷ chủ yếu do giảm công nợ phải thu khách hàng. Tại thời điểm 31/03/2026, số dư công nợ phải thu khách hàng của cả Group là 247 tỷ, giảm 193 tỷ so với đầu năm.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm 66,7 tỷ do hoàn nhập từ công nợ khách hàng VETC.

Tình hình nguồn vốn

- Tổng nợ phải trả của Tập đoàn là 132 tỷ đồng giảm 140 tỷ so với đầu năm. Trong đó, khoản nợ ngắn hạn (123 tỷ đồng) giảm 139 tỷ và nợ dài hạn (9 tỷ đồng) giảm 1 tỷ.
- Tổng vốn chủ sở hữu: Tổng vốn chủ sở hữu của ITD Group tăng 46 tỷ so với đầu năm, trong đó vốn chủ thuộc sở hữu của ITD mẹ tăng 45 tỷ, và Lợi ích cổ đông thiểu số tăng 5 tỷ. Vốn chủ sở hữu thuộc ITD mẹ tăng chủ yếu đến từ lợi nhuận năm 2025. Về giá trị vốn góp cổ phần, ITD mẹ biến động tỷ lệ sở hữu tại các công ty con không đáng kể kể trong kỳ.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình đầu tư

- Trong năm ITD góp vốn thành lập Công ty Cổ phần ITD Global với giá trị góp là 9,8 tỷ đồng tương đương tỷ lệ lợi ích là 98,9 %

Tình hình thực hiện các dự án

- Trong năm 2025 ITD không có dự án lớn được ký kết, riêng tại GLT đang triển khai dự án của Viettel và dự kiến nghiệm thu trong năm tài chính 2026.

Danh sách các công ty con

Tên Công Ty	Lĩnh vực	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	1) Cung cấp giải pháp tự động hóa ứng dụng các công nghệ trong kỹ thuật điều khiển cho các ngành công nghiệp; 2) Phân phối sản phẩm thiết bị, tự động hóa điện và đo lường.	99,64%	99,64%
Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	Mua bán camera giám sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; Mua bán thiết bị điện, điện tử.	99,70%	99,70%
Công ty CP Cơ điện Thạch Anh	Cung cấp 1) Thiết bị lưới điện trung cao thế; 2) M&E trong xây dựng cao ốc và nhà máy; 3) Sản phẩm và giải pháp tiếp địa.	78,21%	78,21%
Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Cung cấp 1) Giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu; 2) Giải pháp chống sét; 3) Nguồn (chỉnh lưu, accu, UPS); 4) Dịch vụ cho BTS; 5) Đầu tư hạ tầng viễn thông di động.	50.02%	53,24%
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học.	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần ITD Global	Sản xuất phần mềm tin học.	98.99%	98.99%
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Sản xuất phần mềm tin học.	51.00%	51.00%
Công ty TNHH Global - Sitem	Sản xuất phần mềm tin học.	31.89%	63.75%
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	Sản xuất phần mềm tin học.	29,67%	58,17%
Công ty Cổ phần In No	Buôn bán thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông.	50.00%	99.96%

Chỉ tiêu tài chính cơ bản của các Công ty con tại thời điểm 31/03/2026

Đơn vị: Triệu đồng (riêng EPS tính bằng đồng)

Công Ty	Tổng tài sản	VCSH bình quân	Doanh thu thuần	LN từ HĐ SXKD	LN trước thuế	LN sau thuế	ROE (%)	EPS
Hợp nhất Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu	236,687	168,796	212,767	20,661	20,327	16,116	9.5%	1,417
Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	35,313	32,766	57,136	(1,970)	(1,887)	(1,887)	-5.8%	(635)
Công ty CP Công nghệ Tự động Tân Tiến	86,387	27,264	68,781	449	659	391	1.4%	207
Công ty CP Cơ điện Thạch Anh	8,695	8,069	-	328	327	279	3.5%	40
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	4,598	4,532		133	132	133	2.9%	148
Hợp nhất Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	51,222	26,147	190,214	44,367	44,707	38,735	148.1%	28,248
Công ty cổ phần ITD Global	10,184	5,078		184	184	157		174

CÔNG TY CP KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Trải qua 30 năm phát triển, Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT) tự hào là đơn vị hàng đầu Việt Nam có uy tín trong việc tư vấn, thiết kế, cung cấp thiết bị và các giải pháp tiên tiến trong lĩnh vực hệ thống trung tâm dữ liệu, chống sét, năng lượng xanh, đầu tư hạ tầng viễn thông cũng như cung cấp dịch vụ bảo trì chất lượng cao. Năm 2025 kết quả kinh doanh của công ty như sau:

- Doanh thu: 212 tỷ đồng (- 50.7% so với 2024)
- Lợi nhuận sau thuế: 16,1 tỷ đồng (+ 20.6% so với 2024)

Năm 2025 doanh thu không đạt kế hoạch tương đương 53% và lợi nhuận đạt 80%. Với giá trị hợp đồng đã ký, hy vọng năm 2026 hứa hẹn sẽ có sự bức phá đáng kể về kết quả kinh doanh.

CÔNG TY CP GIẢI PHÁP ITD

Kết quả kinh doanh trong năm 2025 của Giải pháp ITD tăng trưởng so với cùng kỳ:

- Doanh thu: 57,1 tỷ đồng (+ 157% so với 2024)
- Lợi nhuận sau thuế: -1,8 tỷ đồng (- 158.2%% so với 2024)

Năm 2025, doanh thu tăng mạnh nhưng LNST giảm do chi phí hoạt động tăng.

Đánh Giá Của HĐQT Về Hoạt Động Của Ban Giám Đốc Công Ty

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG TÂN TIẾN

Hoạt động trong lĩnh vực điện – điện tự động hóa trong các nhà máy, năm 2025 doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:

- Doanh thu: 68,7 tỷ đồng (-30.5 % so với 2024)
- Lợi nhuận sau thuế : 391 triệu đồng (-97.3% so với 2024)

HĐQT công ty chủ trương định hướng chiến lược và xác định cần nắm vững kiến thức về công nghệ và tiếp tục triển khai giải pháp trong các nhóm ứng dụng sau:

- Energy efficiency: Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng.
- Oil and Gas (O&G): Khai thác, chế biến dầu khí và các sản phẩm hóa dầu.
- F&B: Chế biến và phân phối thực phẩm và đồ uống.

CÔNG TY CP TƯ VẤN & PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM LARION

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm tin học,

- Doanh thu: 190 tỷ đồng (+ 16.6 % so với 2024)
- Lợi nhuận sau thuế: 38,7 tỷ đồng (+ 32.9 % so với 2024)

Năm 2026 công ty định hướng mục tiêu doanh thu tăng thông qua việc mở rộng hoạt động marketing, bán hàng qua các thị trường Mỹ, Úc, Canada, Châu Âu; Thành lập các văn phòng kinh doanh, hợp tác với các đối tác chiến lược để thành lập mới các công ty liên kết và khối DevOps ở các thị trường trên.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ ITD

Năm 2025, bước đầu chuyển dịch các hoạt động kinh doanh sang các công ty con nên doanh thu ghi nhận được giá trị khiêm tốn hơn năm 2024.

- Doanh thu: 86,4 tỷ đồng (-42.1% so với 2024)
- Lợi nhuận sau thuế: 72.8 tỷ đồng (+191% so với 2024)

Bước đầu chuyển dịch tái cơ cấu các hoạt động kinh doanh trong tập đoàn, điều chuyển và sắp xếp lại nhân sự theo hướng tối ưu hóa chi phí và tiết kiệm tài nguyên, bên cạnh đó là thu hồi được toàn bộ công nợ nên đã hoàn nhập nợ khó đòi Công ty TNHH thu phí tự động VETC nên LN trong năm được cả thiện đáng kể

TỔNG KẾT

Năm 2024 tiếp tục là một năm đầy khó khăn, biến động không chỉ với Tập đoàn ITD nói riêng mà của tất cả doanh nghiệp Việt Nam nói chung. Tại ITD, việc chưa có nhiều bứt phá trong hoạt động kinh doanh cũng như sự khó khăn trong việc biến đổi mô hình, đầu tư và quản lý đã dẫn đến sự giảm sút về doanh thu và thị phần của ITD.

Năm 2025, chúng tôi tiếp tục nỗ lực tìm ra hướng đi mới trong công ty. Ngoài ra, ban lãnh đạo cũng tìm kiếm các cơ hội M&A tại các doanh nghiệp có đội ngũ nhân lực tốt, tăng trưởng cao, phù hợp với chiến lược phát triển lâu dài cho ITD Group.

Kế Hoạch Và Định Hướng Của HĐQT

Giữ vai trò đại diện quyền lợi cho cổ đông ITD, HĐQT đương nhiệm đã tích cực thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cụ thể trong năm, HĐQT đã thông qua các nội dung như sau:

- Thông qua định hướng hoạt động của công ty trong năm tài chính 2025. Thực hiện họp định kỳ hàng quý, xem xét thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý và cả năm. Giám sát tình hình tuân thủ các qui định của nhà nước trong hoạt động kinh doanh của công ty;
- Ban hành toàn văn Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hội đồng quản trị, Quy chế ủy ban kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Thống nhất thay đổi nội dung trên con dấu của Công ty Cổ Phần Công Nghệ ITD.
- Thống nhất điều chỉnh phương án góp vốn thành lập Công ty cổ phần ITD Global từ 90,9 tỷ xuống 9,8 tỷ.
- Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện công việc kiểm toán.
- Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ Phần Công Nghệ ITD và người nội bộ, bên liên quan.
- Hoàn tất việc tạm ứng cổ tức 10% năm 2025 bằng tiền mặt.

Công tác nhân sự:

- Thống nhất miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Thu Sương là Phó Tổng giám đốc của Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tiên Phong kể từ ngày 17/07/2025.
- Thống nhất bầu thành viên Ủy Ban kiểm toán nhiệm kỳ 2025 - 2028 gồm các thành viên:
    - Ông Đinh Thế Hiển – Chủ tịch ủy ban kiểm toán
    - Ông Võ Xuân Vinh – Thành viên ủy ban kiểm toán
- Thống nhất thành lập Tiểu ban nhân sự trực thuộc HĐQT gồm:
    - Ông Mai Hoài An – Trưởng tiểu ban
    - Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thành viên
- Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Minh Hoàn giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ ITD kể từ ngày 05/09/2025.
- Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Hồng Minh đảm nhiệm vị trí Phó tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghệ ITD kể từ ngày 04/11/2025.
- Thống nhất tái ký hợp đồng lao động của Ông Nguyễn Ngọc Trung với chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần công nghệ ITD kể từ ngày 01/04/2026

Nhiệm vụ kinh doanh năm 2026

Trên cơ sở những kết quả đạt được năm 2025, trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn và tình hình chính trị - kinh tế trong nước có nhiều biến động. Trong năm 2026 HĐQT chủ trương định hướng phát triển công ty theo hướng ổn định và bền vững với mục tiêu đề ra như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
Doanh thu thuần (Hợp nhất)	Tỷ đồng	1.000
Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông Công ty mẹ	Tỷ đồng	30
Cổ tức năm 2025 dự kiến	%	5%

Năm 2026, Tập đoàn tiếp tục tập trung phát triển và củng cố các hoạt động kinh doanh cốt lõi của các Công ty thành viên nhằm mang lại hiệu quả tối ưu như sau:

- ✓ Hạ tầng trung tâm dữ liệu (Data Center);
- ✓ Phát triển phần mềm và các giải pháp công nghệ
- ✓ Các dự án liên quan đến chuyển đổi số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)
- ✓ Đồng thời tăng cường năng lực quản trị tài chính nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và hỗ trợ chiến lược phát triển dài hạn của Công ty

Thận trọng trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm mới, giải pháp mới, tìm kiếm thị trường mới. Tổ chức đội ngũ chuyên trách hỗ trợ các đơn vị thành viên có được bộ máy quản lý chuyên nghiệp và có hiệu quả hoạt động cao.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty; áp dụng các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, tinh gọn nhân sự, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ để hoàn thiện bộ máy điều hành.

Trong giai đoạn 2026 – 2030, tập đoàn triển khai hai định hướng chiến lược chính:

Chiến lược 2030 của ITD được tóm lược trong chủ đề: "Từ Hạ tầng đến Trí tuệ". Đây không chỉ là một khẩu hiệu marketing, mà là cách diễn đạt ngắn gọn về vai trò mà ITD có thể xây dựng trong nền kinh tế AI: kết hợp năng lực hạ tầng, công nghệ, dịch vụ và đầu tư chiến lược để tạo giá trị dài hạn cho khách hàng, cổ đông và người lao động.

Ở lớp hạ tầng, ITD có GLT với năng lực kỹ thuật điện, hạ tầng trọng yếu và khả năng tham gia các dự án trung tâm dữ liệu. Ở lớp dịch vụ, ITD có ITD Global và Larion để phát triển dịch vụ AI, kỹ thuật số, phần mềm, an ninh mạng và vận hành công nghệ. Ở lớp ứng dụng, ITD có ITS và ECI, những lĩnh vực có thể tiếp tục tạo giá trị trong giao thông thông minh, tự động hóa công nghiệp và các bài toán ứng dụng thực tế

Câu chuyện chiến lược của ITD vì vậy là xây dựng một tập đoàn công nghệ tập trung hơn, có khả năng kết nối hạ tầng số, dịch vụ AI, kỹ thuật số và các lĩnh vực ứng dụng thực tế. Đây là nền tảng để ITD nâng chất lượng tăng trưởng và tạo giá trị dài hạn cho cổ đông.

Theo định hướng chiến lược lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Định vị lại ITD như một công ty công nghệ tăng trưởng cao
- Hai động cơ tăng trưởng

  Để triển khai định hướng 2030, ITD xác định hai động cơ tăng trưởng chính. Hai động cơ này không thay thế toàn bộ danh mục hiện hữu, nhưng sẽ được ưu tiên về tư duy chiến lược, phát triển năng lực, hợp tác đối tác và phân bổ nguồn lực tăng trưởng.

❖ GLT: Hạ tầng AI và Trung tâm Dữ liệu:

GLT sẽ được định vị là đơn vị hạ tầng AI và trung tâm dữ liệu của ITD. Định vị này không có nghĩa GLT rời bỏ năng lực hạ tầng kỹ thuật điện hiện có. Ngược lại, GLT cần sử dụng năng lực kỹ thuật đó để đi vào các phân khúc có giá trị cao hơn: Data Center Infrastructure, AI-ready facilities, critical power, cooling, MEP, vận hành và bảo trì hạ tầng trọng yếu. Trong bối cảnh các dự án Data Center ngày càng phụ thuộc vào nguồn điện ổn định, hiệu quả năng lượng và tiêu chuẩn vận hành cao, năng lực kỹ thuật điện của GLT có thể trở thành lợi thế cạnh tranh quan trọng.

❖ ITD Global / Larion: Dịch vụ AI và Kỹ thuật số

ITD Global và Larion sẽ là động cơ tăng trưởng về dịch vụ. Trọng tâm không còn là gia công phần mềm theo nghĩa truyền thống. Định hướng mới là dịch vụ AI và kỹ thuật số, bao gồm tư vấn AI, triển khai AI, tự động hóa thông minh, kỹ thuật phần mềm tăng cường bởi AI, an ninh mạng, cloud, data và dịch vụ quản trị vận hành dài hạn

❖ Năng lực đầu tư chiến lược

Bên cạnh phát triển GLT và ITD Global / Larion, ITD sẽ nghiên cứu xây dựng một năng lực đầu tư chiến lược. Đây không phải là một mảng kinh doanh tài chính độc lập, mà là công cụ để tập đoàn tìm kiếm, hợp tác, đầu tư hoặc mua cổ phần có chọn lọc vào các công ty công nghệ phù hợp với chiến lược Hạ tầng AI và Dịch vụ AI.

❖ Vai trò mới của ITS và ECI

ITS và ECI tiếp tục là các đơn vị kinh doanh chiến lược trong danh mục ITD. Tuy nhiên, vai trò của hai đơn vị này cần được điều chỉnh theo hướng hiệu quả vốn, lợi nhuận và dòng tiền. Trong bối cảnh nguồn lực tập đoàn cần tập trung hơn, ITS và ECI không nên tăng trưởng bằng mọi giá hoặc mở rộng sang các dự án có rủi ro vốn lưu động quá cao
Đối với ITS, trọng tâm là duy trì năng lực trong giao thông thông minh, lựa chọn dự án có biên lợi nhuận hợp lý, tăng tỷ trọng dịch vụ vận hành, bảo trì và ứng dụng dữ liệu, AI vào các giải pháp đô thị thông minh. Đối với ECI, trọng tâm là khai thác khách hàng hiện hữu, nâng cấp giải pháp bằng IoT, MES, dữ liệu và tự động hóa thông minh, đồng thời giảm phụ thuộc vào các dự án EPC truyền thống có rủi ro cao

Implementation Direction for 2026–2030 :

Giai đoạn	Trọng tâm triển khai
2026	Hoàn thiện định vị chiến lược, kiểm toán năng lực GLT theo chuẩn data center, tái định vị ITD Global / Larion, thiết lập kỷ luật danh mục và tiêu chí chọn dự án
2027-2028	Mở rộng hợp tác đối tác, triển khai các dự án hạ tầng dữ liệu chọn lọc, phát triển dịch vụ AI và kỹ thuật số, xem xét M&A hoặc liên doanh khi có cơ hội phù hợp.
2029-2030	Củng cố vị thế trong hạ tầng AI và dịch vụ AI, nâng tỷ trọng doanh thu chất lượng cao, cải thiện hiệu quả vốn và hướng tới mục tiêu vốn hóa thị trường khoảng 1.700 tỷ đồng.

Đánh giá của HĐQT độc lập về hoạt động của Tập đoàn

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2025 HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp, các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể và theo đúng các quy định về tổ chức cuộc họp, tài liệu họp được gởi đầy đủ đến các thành viên HĐQT. Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn trọng để đưa ra những quyết định, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.
- Các hoạt động của HĐQT đã được thực hiện theo kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2025, tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các chuẩn mực về quản trị công ty; hoàn thành hầu hết các chương trình, nội dung hành động của HĐQT đã đề ra.
- Hội đồng quản trị tôn trọng và tạo điều kiện để Ban kiểm soát công ty thực hiện quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý điều hành; nghiêm túc tiếp thu và chỉnh sửa các thiếu sót/tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát.
- Tất cả thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm và có tính chuyên nghiệp cao, hoạch định rõ ràng về trách nhiệm được phân công và thận trọng trong việc thực hiện vai trò, quyền và trách nhiệm của mình để đảm bảo lợi ích của Công ty.
- Hội đồng quản trị cũng tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển kinh doanh, xây dựng hệ thống quản trị và văn hóa doanh nghiệp, kiểm tra giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh đã được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.
- HĐQT đã trao đổi, thảo luận thường xuyên với Ban TGĐ để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ Ban TGĐ trong tiến trình vận hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát công tác điều hành; tham gia xây dựng các quy chế, chính sách vận hành nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty và các cổ đông. Đồng thời, HĐQT trực tiếp chia sẻ kiến thức với Ban TGĐ nhằm tiếp sức trong việc phát triển nguồn lực và công tác quản trị tại Công ty

Đánh giá về công tác giám sát tổng giám đốc và ban điều hành

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc, đảm bảo mục tiêu kế hoạch kinh doanh và các hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ, đi đúng định hướng chiến lược và phù hợp với thực tiễn.
- Chủ tịch HĐQT và một số thành viên HĐQT đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban điều hành. Các quyết định của TGĐ và Ban điều hành đã được phân tích, phản biện và tham vấn từ các thành viên HĐQT nhằm đưa ra các giải pháp tối ưu, giúp Công ty được các kết quả tốt nhất.
- HĐQT cũng thường xuyên xem xét các báo cáo của TGĐ và trao đổi với Ban điều hành, qua đó nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như được cập nhật nhanh nhất các thông tin kinh doanh và yêu cầu từ thực tế.
- Công tác giám sát đối với hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và các thành viên trong Ban điều hành được duy trì thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của Pháp luật
- HĐQT đã chủ động hỗ trợ TGĐ và Ban điều hành trong một số lĩnh vực, hoạt động; đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực quản lý rủi ro nhằm sớm nhận diện các vấn đề cần xử lý, giúp Công ty duy trì hoạt động kinh doanh bền vững, liên tục và ổn định, bảo vệ lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư.
- Các cấp quản lý đã chủ động trong công việc và nỗ lực, quyết tâm thực hiện công việc được giao, để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Các thành viên HĐQT cũng đã chia sẻ cho Ban điều hành và các cấp quản lý những kinh nghiệm cũng như tham vấn trong những buổi họp định kỳ.

04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT

ITD có 5 thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2024-2028, bao gồm 1 thành viên độc lập). Trước kỳ Đại hội cổ đông năm 2025, ITD có 5 thành viên HĐQT. Tại Đại hội 2025, công ty đã bầu 01 thành viên HĐQT là Ông Võ Xuân Vinh thay thế cho anh Nguyễn Vĩnh Thuận và duy trì 05 thành viên đến 31/03/2026

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Mai Hoài An	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA), Thạc sĩ kỹ thuật	8,30%	Đương nhiệm
2	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	Kỹ sư điện tử	0,82%	Đương nhiệm
4	Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	Kỹ sư điện tử	6,00%	Đương nhiệm
3	Ông Đinh Thế Hiển	Thành viên độc lập	Cử nhân tài chính, Thạc sĩ tài chính	0,00%	Đương nhiệm
5	Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên độc lập	Giáo sư tiến sỉ	0,00%	Đương nhiệm



Chủ tịch HĐQT

Ông Mai Hoài An

Với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và thị trường quốc tế, ông tham gia vào HĐQT ITD từ năm 2023, ông định hướng chiến lược cho các hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, và công nghệ nhằm phát triển ITD trở thành công ty công nghệ hàng đầu tại Việt Nam.

Hiện Ông An là chủ tịch hội đồng quản trị của công ty IMT Solution, chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần giải pháp ITD và là ủy viên ban chấp hành Hội tin học Thành phố Hồ Chí Minh

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) và Thạc sĩ Kỹ thuật.

.

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hữu Dũng



Phó chủ tịch HĐQT

Tham gia ITD từ những năm 1996, ông Nguyễn Hữu Dũng đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ITD qua các vị trí trưởng phòng kinh doanh, trưởng VPĐD, Phó tổng Giám đốc và thành viên HĐQT. Ông có gần 30 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh, công nghệ và kỹ thuật. Bên cạnh là thành viên HĐQT của ITD ông còn là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu, chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Global – Sitem, Thành viên HĐQT Công ty Larion và công ty Tánh Linh.



Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

Ông Nguyễn Ngọc Trung

Ông Nguyễn Ngọc Trung là một doanh nhân dày dặn kinh nghiệm với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh lực quản lý doanh nghiệp và nhiều năm làm việc tại Siemens - tập đoàn công nghệ đa quốc gia hàng đầu của Đức. Trước đây Ông đã từng gắn bó với tập đoàn ITD trong nhiều năm với vai trò lãnh đạo tại các công ty con như giám đốc tại AIT, Chủ tịch HĐQT tại GLT, Thành viên HĐQT của ITD. Hiện tại ông Chủ tịch HĐQT tại 04 công ty gồm: Công ty CP Công Nghệ Thành Thiên, Công ty Cổ phần KT Điện Toàn Cầu, Công ty CP Tư vấn và Phát triển Phần Mềm Larion Larion và Công ty CP Công nghệ tự động Tân Tiến.

Ông tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ sư Điện – Điện tử.

Ông Võ Xuân Vinh

Ông Võ Xuân Vinh là chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị doanh nghiệp, hiện là Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh doanh và Giảng viên Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Ông có nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy và tham gia các tổ chức học thuật, tài chính uy tín trong nước và quốc tế, đồng thời có đóng góp tích cực trong hoạt động nghiên cứu chính sách tài chính và phát triển kinh tế khu vực châu Á.



Thành viên HĐQT

Ông Đinh Thế Hiển

Ông Đinh Thế Hiển là một chuyên gia tài chính và kinh tế. Ông đã giữ nhiều vị trí quan trọng như Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tin học & Kinh tế ứng dụng, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Manulife, và nhiều vai trò lãnh đạo khác tại Eximbank, Đại học CNTT Gia Định, và Học viện Tài Chính. Ông có nhiều đóng góp lớn cho thị trường tài chính Việt Nam.



Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên Ban Giám đốc

	Thành viên Ban Giám Đốc	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Ngọc Trung	Tổng Giám đốc	Kỹ sư điện – tự động hóa Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Phó tổng giám đốc	Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán
2	Bà Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc Kiểm soát nội bộ	Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán

Ông Nguyễn Ngọc Trung

Ông Nguyễn Ngọc Trung là một doanh nhân dày dặn kinh nghiệm với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh lực quản lý doanh nghiệp và nhiều năm làm việc tại Siemens - tập đoàn công nghệ đa quốc gia hàng đầu của Đức. Trước đây Ông đã từng gắn bó với tập đoàn ITD trong nhiều năm với vai trò lãnh đạo tại các công ty con như giám đốc tại AIT, Chủ tịch HĐQT tại GLT, Thành viên HĐQT của ITD. Hiện tại ông Chủ tịch HĐQT tại 04 công ty gồm: Công ty CP Công Nghệ Thành Thiên, Công ty Cổ phần KT Điện Toàn Cầu, Công ty CP Tư vấn và Phát triển Phần Mềm Larion Larion và Công ty CP Công nghệ tự động Tân Tiến.

Ông tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ sư Điện – Điện tử.

.



Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

Thành viên Ban Giám đốc



Bà Nguyễn Thị Thu Sương

Bà gắn bó với ITD gần 20 năm và có nhiều kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính. Bà là một trong những người người có nhiều nhiệt huyết với ITD Group. Bà đã từng là Giám Đốc Tài Chính tại Công ty ITD.

Tháng 4/2025 bà được bổ nhiệm vai trò Phó tổng giám đốc và đã từ nhiệm vào tháng 07/2025

Bà tốt nghiệp ngành kế toán tại Đại Học Kinh Tế TPHCM.

Phó tổng giám đốc



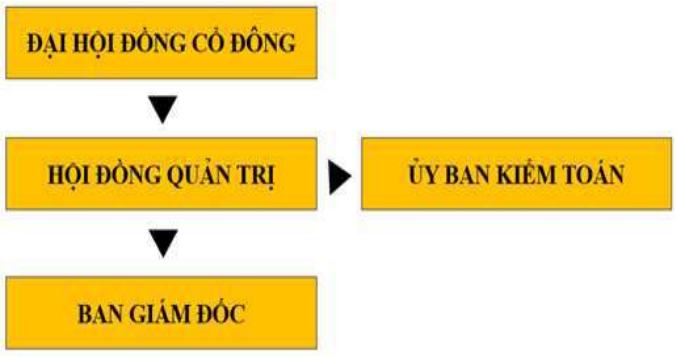
Giám đốc KSNB

Bà Đỗ Thị Thu Hà

Bà Đỗ Thị Thu Hà tốt nghiệp cử nhân kinh tế khoa Kế toán – Kiểm toán với hơn 20 năm kinh nghiệm làm kế toán, kiểm toán, kiểm soát tại các Công ty trong Tập đoàn Tiên Phong; hiện là Giám đốc Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Công nghệ ITD và thành viên Hội đồng quản trị kiêm UBKT Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu.

Và bà đã từ nhiệm vai trò thành viên Hội đồng quản trị kiêm UBKT Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu vào tháng 01/2026

Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2025

<table>
<tr><th>STT</th><th>Số Nghị Quyết</th><th>Ngày</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Không số</td><td>26/06/2025</td><td>
✓ Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.
✓ Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024
✓ Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024 theo Phụ lục 1 - Phương án phát hành
✓ Quyết định kế hoạch cho năm tài chính của công ty trong năm 2025 với các chỉ tiêu tài chính như sau
<table>
<tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch</th></tr>
<tr><td>Doanh thu thuần hợp nhất</td><td>1.000 tỷ đồng</td></tr>
<tr><td>LNST hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ</td><td>40 tỷ đồng</td></tr>
<tr><td>Cổ tức dự kiến 2025</td><td>10%</td></tr>
</table>
✓ Thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty từ Ban kiểm soát chuyển sang Ủy ban kiểm toán, theo đó sơ đồ tổ chức công ty như sau


✓ Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty (Phụ lục 3 – Toàn văn “Điều lệ công ty”)
Thống nhất ủy quyền Hội đồng quản trị cập nhật vốn điều lệ, tên công ty, ngành nghề kinh doanh trên Điều lệ sau khi hoàn tất các thủ tục với cơ quan chức năng
✓ Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Phụ lục 4 - Toàn văn “Quy chế nội bộ về quản trị công ty”)
✓ Ủy quyền Hội đồng quản trị soạn thảo và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán
✓ Thông qua miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát phù hợp với mô hình cơ cấu tổ chức quản lý thay đổi như sau:
▪ Miễn nhiệm Bà Trịnh Thị Thúy Liễu - Trưởng Ban kiểm soát;
▪ Miễn nhiệm Bà Đỗ Thị Thu Hà - Kiểm soát viên;
▪ Miễn nhiệm Bà Trần Thị Thu Tâm – Kiểm soát viên
Theo đó, giao Hội đồng quản trị bầu chọn Chủ tịch và thành viên Ủy ban kiểm toán đáp ứng quy định của pháp luật.
</td></tr>
</table>

Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2025

<table>
<tr><th>STT</th><th>Số Nghị Quyết</th><th>Ngày</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
✓ Thông qua các nội dung bổ sung / thay đổi ngành nghề kinh doanh theo Phụ lục 2
✓ Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị (Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị) chủ động thẩm định và chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty năm 2025
✓ Thông qua thay đổi tên công ty như sau:
<table>
<tr><th>TÊN TRƯỚC THAY ĐỔI</th><th>TÊN SAU THAY ĐỔI</th></tr>
<tr><td>• Tên tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
• Tên tiếng nước ngoài:
• Tên viết tắt:</td><td>• Tên tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD
• Tên tiếng nước ngoài: ITD CORPORATION
• Tên viết tắt: ITD</td></tr>
</table>
Ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi tên Công ty tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành. Trong trường hợp trùng lắp tên doanh nghiệp khác đã đăng ký, ủy quyền Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn tên tương tự và báo cáo Đại hội tại kỳ họp thường niên tiếp theo. Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Tổng giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên
✓ Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Phụ lục 1 - Phương án phát hành
✓ Thông qua tổng thù lao bổ sung Ban quản trị dựa trên kết quả kinh doanh năm tài chính 2024 (01/04/2024 – 31/03/2025) là 230.000.000 đ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu đồng).
- Nguồn vốn: lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025 đã kiểm toán.
- Ủy quyền HĐQT đánh giá mức độ đóng góp của các thành viên Ban quản trị để làm cơ sở hưởng thù lao bổ sung theo kết quả kinh doanh
✓ Thông qua điều chỉnh thù lao bổ sung theo kết quả kinh doanh áp dụng từ năm tài chính 2025 (từ 01/04/2025) như sau:
• Thù lao bổ sung theo kết quả kinh doanh:
• Quỹ thù lao bổ sung Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong và các công ty thành viên:
• Tối đa 10% của phần lợi nhuận sau thuế vượt ROE từ 12% đến 17%.
• Tối đa 20% của phần lợi nhuận sau thuế vượt ROE từ 17%.
• Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể.
</td></tr>
</table>

Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2025

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
			✓ Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Vĩnh Thuận kể từ ngày 26/06/2025 ✓ Thông qua bổ sung Ông Võ Xuân Vinh vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2028, theo đó thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2028 bao gồm: Ông Mai Hoài An Ông Nguyễn Ngọc Trung Ông Nguyễn Hữu Dũng Ông Đinh Thế Hiển Ông Võ Xuân Vinh

Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản năm 2026

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ	16/03/2026	Đại hội thống nhất không thông qua đề xuất bổ sung mức chi trả cổ tức năm 2025 là 20% bằng tiền mặt

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026, Hội đồng quản trị đã tiến hành 06 cuộc họp, cụ thể như sau:

<table>
<tr><th>STT</th><th>Số Nghị Quyết</th><th>Ngày</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>1</td><td>007/2024/NQ-HĐQT-CBTT</td><td>28/04/2025</td><td>❖ Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2025 (“Đại hội 2025”) với các nội dung như sau:
✓ Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho cổ phiếu Công ty CP công nghệ Tiên Phong thực hiện tham dự Đại hội đồng cổ đông kỳ họp thường niên năm 2025 là: ngày 23/05/2025
✓ Nội dung cụ thể:
Tỷ lệ thực hiện:
+Đối với cổ phiếu phổ thông: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết
Thời gian thực hiện: Từ 13h30 – 17h00, ngày 26/06/2025
+Địa điểm thực hiện: Tòa nhà ITD, số 01 Đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM</td></tr>
<tr><td>2</td><td>008/2024/NQ-HĐQT-CBTT</td><td>03/06/2025</td><td>❖ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4/2024 (01/01/2025-31/03/2025) và năm tài chính 2024 (01/04/2024-31/03/2025).
❖ Thống nhất trình ĐHĐCĐ ITD tại kỳ họp thường niên 2025
✓ Tình hình sử dụng và trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi
<table>
<tr><th>Hạng mục</th><th>Số tiền (triệu đồng)</th></tr>
<tr><td>Số dư đầu kỳ (tại ngày 01/04/2024)</td><td>666</td></tr>
<tr><td>Trích trong kỳ</td><td>1.420</td></tr>
<tr><td>Sử dụng trong kỳ</td><td>(281)</td></tr>
<tr><td>Số dư cuối kỳ (tại ngày 31/03/2025</td><td>1.805</td></tr>
</table>
✓ Tỷ lệ chi trả cổ tức 2024: dự kiến là 7% bằng cổ phiếu
✓ Kế hoạch kinh doanh 2024 với:
<table>
<tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch năm từ 01/04/2025 – 31/03/2026</th></tr>
<tr><td>Doanh thu thuần hợp nhất</td><td>1.000 tỷ đồng</td></tr>
<tr><td>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ</td><td>40 tỷ đồng</td></tr>
<tr><td>Cổ tức dự kiến năm 2025</td><td>10%</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
			✓ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo mô hình được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 ✓ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. ✓ Ủy quyền Hội đồng quản trị soạn thảo và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán ✓ Thay đổi tên công ty ✓ Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu ✓ Bổ sung / thay đổi ngành nghề kinh doanh.
3	009/2024/NQ-HĐQT-CBTT	20/06/2025	❖ Thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông đơn từ nhiệm Thành Viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Vĩnh Thuận kể từ ngày 17/06/2025 ❖ Thống nhất bổ sung nội dung vào Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau: +Trình thù lao bổ sung Ban quản trị +Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ từ 2024-2028.
4	010/2024/NQ-HĐQT-CBTT	25/06/2025	❖ Hội đồng quản trị phê chuẩn góp vốn thành lập Công ty cổ phần ITD Global với một số nội dung dự kiến như sau: + Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ITD GLOBAL + Loại hình công ty + Vốn điều lệ: 91.000.000.000 đồng (Chín mươi mốt tỷ đồng, tương ứng 9.100.000 cổ phần + Phần góp vốn của Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong:90.987.000.000 đồng (Chín mươi tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu đồng + Ngành nghề kinh doanh:Xuất bản phần mềm, lập trình máy vi tính, hoạt động tư vấn quản lý và các hoạt động liên quan + Người đại diện theo pháp luật:Ông Mai Hoài An –Tổng giám đốc
5	001/2025/NQ-HĐQT-CBTT	02/07/2025	❖ Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau • Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Công Nghệ Tiên Phong • Mã cổ phiếu: ITD • Sàn niêm yết: HOSE • Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông • Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu • Vốn điều lệ hiện nay: 245.335.910.000 đồng • Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24.533.591 cổ phiếu • Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành: 24.461.403 cổ phiếu ❖

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
			• Số lượng cổ phiếu quỹ: 72.188 cổ phiếu • Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 1.712.298 cổ phiếu • Tổng giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá: 17.122.980.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng • Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 • Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu • Nguồn vốn phát hành: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025 đã kiểm toán của Công ty • Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ 100:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 07 cổ phiếu mới • Quyền nhận cổ phiếu do phát hành cổ phiếu trả cổ tức không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu phát hành này không bị hạn chế chuyển nhượng • Phương án xử lý cổ phần lẻ phát sinh: số cổ phiếu phát hành trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ • Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 3.520 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:7 cổ đông A được nhận (3.520*7/100 = 246,4) 246,4 cổ phần mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 246 cổ phiếu mới. Số cổ phần lẻ 0,4 cổ phần bị hủy bỏ • Thời điểm phát hành dự kiến: quý 3 năm 2025, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành của tổ chức phát hành ❖ Thông qua đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung đối với số lượng cổ phiếu phát hành nêu tại Điều 1 • Toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành được sau khi kết thúc đợt phát hành sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HSX) theo đúng quy định của pháp luật • Tổ chức thực hiện: Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám Đốc quyết định các công việc và ký các văn bản, tài liệu có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau\ • Quyết định và lựa chọn thời điểm thích hợp, các mốc thời gian khác có liên quan để tiến hành triển khai phương án phát hành cổ phiếu. • Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
			• Trường hợp cần thiết, HĐQT được quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh phương án phát hành cổ phần (bao gồm các nội dung chưa được trình bày trong phương án này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền đảm bảo việc phát hành cổ phần của công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định • Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phần đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoại. • Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để hoàn thành phương án phát hành cổ phần đảm bảo đúng quy định của pháp luật • Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần • Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ tăng thêm từ kết quả phát hành • Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung cổ phần tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung cổ phần tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua • Và quyết định các công việc khác có liên quan đến phương án phát hành cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua
6	002/2025/NQ-HĐQT-CBTT	10/07/2025	❖ Thống nhất thông qua và ban hành toàn văn Quy chế hội đồng quản trị theo như phụ lục 1 đính kèm ❖ Thống nhất bầu thành viên Ủy Ban kiểm toán nhiệm kỳ 2025- 2028 gồm các thành viên. • Ông Đinh Thế Hiển – Chủ tịch ủy ban kiểm toán • Ông Võ Xuân Vinh – Thành viên ủy ban kiểm toán ❖ Thống nhất thông qua và ban hành toàn văn Quy chế ủy ban kiểm toán theo như phụ lục 2 đính kèm
7	003/2025/NQ-HĐQT-CBTT	17/07/2025	❖ Thống nhất miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Thu Sương là Phó Tổng giám đốc của Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tiên Phong kể từ ngày 17/07/2025
8	004/2025/NQ-HĐQT-CBTT	24/07/2025	❖ Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu: Ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông: 08/08/2025
9	005/2025/NQ-HĐQT-CBTT	07/08/2025	❖ Thống nhất thay đổi nội dung trên con dấu của Công ty Cổ Phần Công Nghệ ITD như sau: ❖ Thời gian áp dụng con dấu mới:07/08/2025

Hoạt động của Hội đồng quản trị

<table>
<tr><th>STT</th><th>Số Nghị Quyết</th><th>Ngày</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>10</td><td>006/2025/NQ-HĐQT-CBTT</td><td>26/08/2025</td><td>❖ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1/2025 (01/04//2025-30/06/2025)
❖ Thống nhất thành lập Tiểu ban nhân sự trực thuộc HĐQT gồm các thành viên như sau:
• Ông Mai Hoài An- Trưởng tiểu ban nhân sự
• Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thành viên tiểu ban nhân sự.
❖ Thống nhất điều chỉnh phương án góp vốn thành lập Công ty cổ phần ITD Global với một số nội dung dự kiến như sau
<table>
<tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Trước khi điều chỉnh</th><th>Sau khi điều chỉnh</th></tr>
<tr><td>Vốn điều lệ của Công ty cổ phần ITD Global</td><td>91.000.000.000 VND</td><td>10.000.000.000 VND</td></tr>
<tr><td>Vốn góp của Công ty cổ phần công nghệ ITD</td><td>90.987.000.000 VND</td><td>9.800.000.000 VND</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>11</td><td>007/2025/NQ-HĐQT-CBTT</td><td>05/09/2025</td><td>❖ Thống nhất thuyên chuyển Bà Vũ Thị Nữ chức vụ Kế toán trưởng từ Công ty Cổ phần Công nghệ ITD sang Công ty CP Đầu tư giải pháp Công nghệ Tiên Phong (Công ty Cổ phần Công nghệ ITD sở hữu 99.70% số lượng cổ phiếu lưu hành) kể từ ngày 05/09/2025
❖ Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Minh Hoàn giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ ITD kể từ ngày 05/09/2025</td></tr>
<tr><td>12</td><td>008/2025/NQ-HĐQT-CBTT</td><td>23/09/2025</td><td>❖ Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC sẽ thực hiện công việc kiểm toán với Công ty cổ phần Công Nghệ ITD như sau:
• Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026. Phát hành Báo cáo soát xét riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026
• Kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/03/2026. Phát hành Báo cáo kiểm toán riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026</td></tr>
<tr><td>13</td><td>009/2025/NQ-HĐQT-CBTT</td><td>04/11/2025</td><td>❖ Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Minh đảm nhiệm vị trí Phó tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghệ ITD kể từ ngày 04/11/2025</td></tr>
<tr><td>14</td><td>010/2025/NQ-HĐQT-CBTT</td><td>10/12/2025</td><td>❖ Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2/2025 (01/07/2025-30/09/2025</td></tr>
</table>

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung
			❖ Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ Phần Công Nghệ ITD (ITD) với: (i) Người nội bộ của ITD; (ii) Người có liên quan của Người nội bộ của ITD; và (iii) Người liên quan của ITD, trong đó các hợp đồng, giao dịch này được thực hiện trên cơ sở phù hợp với Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích của công ty và lợi ích của cổ đông. Cụ thể như sau Danh sách các giao dịch chi tiết được liệt kê theo Phụ lục đính kèm: • Nội dung và các điều khoản trong hợp đồng/thỏa thuận giữa công ty với Người có liên quan được liệt kê trong phụ lục đính kèm phải đảm bảo công bằng theo điều kiện của thị trường • Giá trị giao dịch: theo thực tế phát sinh, tuy nhiên phải đảm bảo giá trị hợp đồng/giao dịch phải thấp hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty • Thời gian áp dụng: kể từ ngày 01/01/2026 đến 31/12/2026 Giao cho Tổng giám đốc căn cứ nhu cầu thực tế và tình hình hoạt động của Công ty quyết định nội dung chi tiết của các hợp đồng giữa Công ty và Người có liên quan, đồng thời tổ chức triển khai, thực hiện các giao dịch /hợp đồng cụ thể để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, và phải đảm bảo các Hợp đồng/giao dịch này đáp ứng đúng chủ trương đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết này và quy định nội bộ khác của HĐQT
11	011/2025/NQ-HĐQT-CBTT	19/01/2026	❖ Thông qua thông qua tạm ứng cổ tức năm 2025 như sau: • Tỷ lệ chi cổ tức: 10% • Hình thức: bằng tiền mặt (tương đương 1.000 đồng/1 cổ phần • Ngày đăng ký cuối cùng: 02/02/2026 • Ngày thanh toán:dự kiến 12/02/2026
12	012/2025/NQ-HĐQT-CBTT	10/02/2026	❖ Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với các nội dung như sau: • Nội dung lấy ý kiến cổ đông :Đề xuất bổ sung cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ dự kiến 20% • Ngày đăng ký cuối cùng: 02/03/2026 • Thời gian thực hiện: Tháng 03/2026 • Địa điểm thực hiện: Số 1 Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, Hồ Chí Minh
13	013/2025/NQ-HĐQT-CBTT	19/03/2026	❖ Thống nhất tái ký hợp đồng lao động của Ông Nguyễn Ngọc Trung với chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần công nghệ ITD kể từ ngày 01/04/2026, với tỷ lệ tán thành là 3/5)

Thành viên Ủy Ban Kiểm toán

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, đã thông qua việc chuyển đổi mô hình công ty từ Ban Kiểm soát sang Ủy Ban kiểm toán và Hội đông quản trị đã thực hiện bổ nhiệm nhân sự phụ trách gồm 2 thành viên như sau

STT	Thành viên Ủy Ban kiểm toán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đinh Thế Hiển	Chủ tịch UBKT	Cử nhân tài chính, Thạc sĩ tài chính	0,00%
2	Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Giáo sư tiến sỉ	0,00%



Chủ tịch UBKT

Ông Đinh Thế Hiển

Ông Đinh Thế Hiển là một chuyên gia tài chính và kinh tế. Ông đã giữ nhiều vị trí quan trọng như Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tin học & Kinh tế ứng dụng, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Manulife, và nhiều vai trò lãnh đạo khác tại Eximbank, Đại học CNTT Gia Định, và Học viện Tài Chính. Ông có nhiều đóng góp lớn cho thị trường tài chính Việt Nam.



Thành viên UBKT

Ông Võ Xuân Vinh

Ông Võ Xuân Vinh là chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị doanh nghiệp, hiện là Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh doanh và Giảng viên Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Ông có nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy và tham gia các tổ chức học thuật, tài chính uy tín trong nước và quốc tế, đồng thời có đóng góp tích cực trong hoạt động nghiên cứu chính sách tài chính và phát triển kinh tế khu vực châu Á

Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Trong năm tài chính 2025, Ủy ban kiểm toán hoạt động chủ yếu thông qua các hình thức sau:

- Kiểm soát hoạt động thông qua Kiểm Toán Nội Bộ (KTNB) để nắm tình hình công ty và đưa ra các kiến nghị
- Tham gia các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) với tư cách giám sát và đóng góp ý kiến
- Họp thảo luận giữa các thành viên UBKT với bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) trực thuộc UBKT và Phòng Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành công ty ITD để trao đổi các ý kiến, đề xuất
- Llựa chọn Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC để kiểm toán BCTC hợp nhất và BCTC công ty mẹ năm tài chính 2025.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2025 gồm :
  - Nhận xét về tình hình Tài chính – kinh doanh 2025
  - Nhận xét về hiệu quả kinh doanh
  - Nhận xét về khả năng thanh toán
  - Nhận xét về Nguồn vốn
  - Nhận xét chung về Tài chính – Kinh doanh
- Đánh giá hoạt động của HĐQT
- Đánh giá hoạt động của UBKT

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám Đốc và Ban Kiểm Soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: tổng thù lao đã chi trả cho HĐQT/BKS trong năm 2024 là 770.330.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng.); tổng thu nhập đã chi trả cho Ban Giám Đốc trong năm 2024 là 2.672.351.847 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm năm mươi mốt ngàn, tám trăm bốn mươi bảy đồng.).

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

Cơ cấu lao động đến thời điểm 31/03/2026

Phân Loại	Công ty mẹ		Công ty con		Tập đoàn Tiên Phong	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo giới tính	**27**	**100%**	**382**	**100%**	**409**	**100%**
Nam	13	48%	245	64%	258	63%
Nữ	14	52%	137	36%	151	37%
Phân theo trình độ chuyên môn	**27**	**100%**	**361**	**100%**	**388**	**100%**
Đại học và Trên đại học	23	85%	324	90%	347	89%
Cao đẳng	1	4%	18	5%	19	5%
Trung cấp	1	4%	10	3%	11	3%
Khác	2	7%	9	2%	11	3%
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	**27**	**100%**	**361**	**100%**	**388**	**100%**
Không xác định thời hạn, Có xác định thời hạn từ 01 - 03 năm	27	100%	351	97%	378	97%
Ngắn hạn dưới 01 năm			7	2%	7	2%
Thử việc			3	0.8%	3	1%

.

Chính sách đối với người lao động

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu chính sách tuyển dụng của công ty là thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên năng lực chung, năng lực chuyên môn và tố chất cá nhân phù hợp văn hóa Công ty và vị trí công việc của ứng viên.

Chính sách đào tạo: Chính sách đào tạo hằng năm nhằm phát triển năng lực cho mọi cấp bậc nhân viên tương ứng những năng lực cốt lõi sau: năng lực nhận thức, sáng tạo, chuyên môn hóa cao, đa năng và làm việc đồng đội. Hình thức đào tạo được thực hiện dưới dạng đào tạo bên ngoài (trong và nước ngoài) và bên trong (huấn luyện/đào tạo tại chỗ bởi đội ngũ quản trị viên – giảng viên nội bộ).

Chính sách đãi ngộ: Chính sách đãi ngộ được hoàn chỉnh một cách khoa học và hệ thống nhằm xây dựng, hoàn thiện và cải tiến hình thức đãi ngộ cho người lao động, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty mẹ và các công ty thành viên, với các nội dung cụ thể:

- Trả công xứng đáng trên cơ sở năng lực, phẩm chất và hiệu quả công việc của người lao động.

Chính sách cho người lao động

- Duy trì đội ngũ nhân lực giỏi, tận tâm và phát triển cùng Tập đoàn;
- Hấp dẫn đội ngũ lãnh đạo có năng lực xuất sắc và phẩm chất tốt;
- Khuyến khích người lao động tự hoàn thiện bản thân phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển cùng Tập đoàn;
- Gắn kết sự thành đạt của cá nhân với thành công của Công ty.

Chính sách thu nhập:

- Thu nhập cố định trả hàng tháng cho nhân viên được tính theo 02 yếu tố: năng lực cá nhân và yêu cầu của vị trí công việc. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực và thành tích, các công ty sẽ tổ chức xét điều chỉnh thu nhập cho nhân viên. Chính sách điều chỉnh thu nhập đột xuất được thực hiện đối với nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc khi nhân viên được bổ nhiệm vào vị trí công việc mới.
- Thu nhập cuối năm (thưởng): dựa vào mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển mang tính lâu dài, công ty xác định mục tiêu bộ phận, chỉ tiêu năng suất và nhiệm vụ của từng người lao động để làm cơ sở tính thưởng. Điểm nổi bật trong chính sách thưởng chính là tặng quyền chọn mua cổ phiếu cho nhân viên ưu tú và quản lý xuất sắc. Chính sách này gắn kết trách nhiệm và tâm huyết người lao động với sự nghiệp của công ty trên cơ sở trao quyền đồng sở hữu.

Chính sách phụ cấp - phúc lợi:

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo Luật Lao động:

- Thực hiện các hình thức phúc lợi bổ sung như bảo hiểm tai nạn 24h và khám sức khỏe định kỳ.
- Các hình thức đãi ngộ phi vật chất khác giúp xây dựng và định hình nét văn hóa riêng đặc sắc của Công ty Tiên Phong như: Team Building, tiệc Tất Niên,…

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức của công ty ngày càng tinh gọn hơn, duy trì đội ngũ nhân lực giỏi và tận tâm, góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty mẹ và các công ty thành viên. Ban giám đốc luôn xây dựng và không ngừng hoàn thiện các chính sách của công ty để tạo ra một môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, góp phần mang lại hiệu quả cao cho công ty.

Quản trị rủi ro

Quản lý rủi ro là quá trình phân tích môi trường (bên trong, bên ngoài) để nhận diện, phân tích, đánh giá, phân loại, xếp thứ tự ưu tiên rủi ro và tổ chức triển khai các giải pháp thích hợp để ứng phó nhằm loại trừ và giảm thiểu những tác động tiêu cực có thể có. Quản lý rủi ro là những hoạt động mang tính hệ thống, bao quát, được duy trì thường xuyên ở mọi cấp độ, được thực hiện theo một quy trình xuyên suốt.

Rủi ro từ thị trường

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về tăng trưởng kinh tế	Tác động từ thế giới đến nền kinh tế Việt Nam rất rõ rệt. Việc tái cơ cấu tổ chức với tốc độ chậm gây ra nhiều rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng trung hạn của nền kinh tế, các khoản nợ dự phòng và nợ xấu liên quan tới ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước vẫn còn nhiều, giải quyết chưa triệt để.	• Nắm bắt các chính sách ưu đãi của nhà nước trong lĩnh vực điện, điện tử, tự động, công nghệ thông tin. • Hợp tác, tiếp cận, học hỏi nhiều hơn trong quá trình cọ xát với thị trường công nghệ thế giới.
Rủi ro môi trường kinh doanh	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế, chính sách và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho công ty trong việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh.	• Thường xuyên cập nhật các thay đổi môi trường kinh tế, chính sách, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ.	• Đưa ra chiến lược cung cấp dịch vụ toàn diện, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của khách hàng, từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị dịch vụ công nghệ thông tin. • Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo để cải thiện chất lượng dịch vụ và sản phẩm. • Liên tục tối ưu hoá hệ thống quy trình vận hành và chi phí.
Rủi ro về lãi suất	Hoạt động kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp dựa phần lớn vào nguồn vốn của khoản vay tín dụng, nên việc quan tâm đến yếu tố lãi suất là hoàn toàn hợp lý.	• Theo dõi sự thay đổi về chính sách lãi vay của ngân hàng và các gói hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước để điều chỉnh lượng vốn vay, giảm thiểu chi phí lãi vay trong kỳ.
Rủi ro từ biến động tỷ giá	Trải qua một năm với chuỗi tăng mạnh về tỷ giá từ những biến động tăng đó đã gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	• Lập nhu cầu ngoại tệ định kỳ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, và dự báo theo dõi. • Phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.
Rủi ro về lạm phát	Năm 2023, lạm phát vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt tại các cường quốc đã và đang phát triển lan rộng sang các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam.Thế giới báo động nền kinh tế đang bước vào bờ vực suy thoái.	• Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường mức dự trữ. • Đẩy mạnh thu hồi công nợ, sử dụng hiệu quả các nguồn trích quỹ. Kiểm soát chi phí hoạt động để tìm cách cắt giảm, tiết kiệm và tăng cường hiệu quả.

Rủi ro hoạt động

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro triển khai kế hoạch kinh doanh	Thất bại trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh, đánh giá thông qua việc quản lý danh mục đầu tư và dự án cụ thể.	• Theo dõi, giám sát thường xuyên tình hình thực hiện về tiến độ, ngân sách. Trưởng dự án báo cáo định kỳ và có hướng ứng phó phù hợp với thay đổi.
Rủi ro hàng hóa không đáp ứng kịp thời	Nguy cơ không đủ thiết bị, vật tư lắp đặt cho dự án.	• Quản lý hàng tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng hợp lý.
Rủi ro với bên cho thuê	Nguy cơ chấm dứt hợp đồng cho thuê trước thời hạn hoặc giá thuê tăng đột biến.	• Lên kế hoạch thương thảo điều khoản hợp đồng có lợi cho 2 bên đồng thời tạo mối quan hệ thân thiết nếu được.
Rủi ro mất khách hàng	Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	• Theo dõi mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng và có các chính sách tương ứng đối với khách hàng quan trọng.
Rủi ro về nhân lực	Nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng và then chốt tạo nên thành công, đột phá cho doanh nghiệp. Rủi ro đối với quản trị nhân lực, đó là sự biến động nguồn nhân lực.	• Xây dựng mô hình phát triển nguồn nhân lực để nâng cao trình độ và hiệu suất làm việc. • Xây dựng các chính sách về nhân sự, đảm bảo người lao động nhận được mức đãi ngộ tương xứng với năng lực và trình độ, tạo nên sự gắn bó lâu dài.

Rủi ro về luật định

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về luật pháp	Đối với các doanh nghiệp, những thay đổi chính sách và thủ tục hành chính thường kéo theo những rủi ro nhất định. Những năm qua, các chính sách, quy định pháp luật kinh doanh của Việt Nam có những sự chuyển biến để phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng vẫn còn một số hạn chế, bất cập chưa được tháo gỡ. Trong khi đó, doanh nghiệp cần những chính sách ổn định lâu dài, minh bạch, dễ dự báo, áp dụng nhất quán để yên tâm sản xuất kinh doanh..	• Liên tục nghiên cứu và cập nhật các chính sách định hướng lớn của chính phủ. • Tuân thủ luật pháp cũng như môi trường văn hoá kinh doanh của các thị trường có liên quan. • Xây dựng một bộ phận pháp lý hoàn toàn có thể hỗ trợ khi chính sách pháp luật thay đổi để kịp thời ứng phó.

Rủi ro về an ninh mạng

Tên rủi ro	Nội Dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro bảo mật thông tin và rủi ro an ninh mạng	Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với tổ chức doanh nghiệp. Việc thông tin bị lộ ra bên ngoài ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, uy tín, chiến lược của công ty.	• Áp dụng triệt để các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống nhằm đảm bảo an ninh thông tin của Công ty.

05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

Đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia

Sự phát triển của ITD góp phần tạo nên sự phát triển cho ngành khoa học công nghệ nói riêng và kinh tế toàn Việt Nam nói chung. ITD cung cấp những sản phẩm dịch vụ nâng cao hiệu suất, độ chính xác và tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng.

Nâng cao chất lượng cuộc sống người Việt

Với các dự án trải dài trên toàn lãnh thổ Việt Nam, ITD đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cùng với những chính sách hỗ trợ người dân, đóng góp vào phát triển kinh tế và chất lượng sống của hàng ngàn hộ gia đình.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG



Giảm thiểu xả thải và tiêu thụ năng lượng

Khoa học công nghệ phát triển đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ môi trường, là nền tảng phát triển bền vững kinh tế, xã hội. Nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh, ITD cung cấp dịch vụ lắp đặt năng lượng điện mặt trời cho nhiều khách hàng, góp phần không nhỏ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

TÁC ĐỘNG TỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

Chung tay vì một cộng đồng phát triển lành mạnh

ITD luôn chú trọng vào phát triển xã hội – con người một cách lành mạnh, an toàn và giàu giá trị để kiến tạo sự phát triển kinh doanh bền vững lâu dài. Cụ thể, ITD luôn tạo công ăn việc làm cho nhiều người, bảo vệ sức khoẻ cho người lao động trước tác động của đại dịch và đóng góp vào các quỹ an sinh xã hội, tạo hiệu ứng lan toả trên khắp cộng đồng.



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 45
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ ITD (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Hoài An	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiển	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Trung	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2025
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/07/2025

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCD năm 2025 ngày 26/06/2025, Công ty đã được thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty từ Ban kiểm soát chuyển sang Ủy ban kiểm toán.

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Đinh Thế Hiển	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/07/2025
Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/07/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Mai Hoài An – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Ngọc Trung - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ITD

Nguyễn Ngọc Trung
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Công nghệ ITD

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được lập ngày 05 tháng 06 năm 2026, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Giám đốc

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Trần Trung Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2023-002-1

Kiểm toán viên

Lê Trường Long
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/04/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**457.684.618.038**	**544.380.964.464**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**03**	**65.934.893.420**	**63.047.052.084**
111	1. Tiền		29.341.244.922	25.275.906.250
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.593.648.498	37.771.145.834
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**04**	**74.961.290.106**	**31.360.032.014**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		74.961.290.106	31.360.032.014
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**258.095.259.812**	**397.564.448.859**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	247.878.803.363	440.397.519.521
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	18.081.277.177	37.054.814.488
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	60.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	12.862.579.371	7.577.860.155
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.727.400.099)	(87.525.745.308)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**09**	**51.462.079.962**	**46.258.138.347**
141	1. Hàng tồn kho		58.104.841.639	65.206.786.026
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.642.761.677)	(18.948.647.679)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**7.231.094.738**	**6.151.293.160**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	757.514.848	690.653.777
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.383.022.836	5.351.405.113
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	90.557.054	109.234.270
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**129.719.260.566**	**137.503.692.625**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**1.563.282.134**	**1.436.655.200**
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	1.563.282.134	1.436.655.200
220	**II. Tài sản cố định**		**64.940.733.894**	**67.795.024.557**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	51.544.360.302	53.524.948.928
222	*- Nguyên giá*		*108.698.071.688*	*108.136.709.990*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(57.153.711.386)*	*(54.611.761.062)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	13.396.373.592	14.270.075.629
228	*- Nguyên giá*		*26.998.899.846*	*26.496.014.506*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(13.602.526.254)*	*(12.225.938.877)*
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**628.309.457**	**230.200.000**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		628.309.457	230.200.000
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**04**	**100.000.000**	**1.662.581.627**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	1.562.581.627
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.367.100.000	7.367.100.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.367.100.000)	(7.367.100.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		100.000.000	100.000.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**62.486.935.081**	**66.379.231.241**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.952.589.289	1.966.487.718
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	557.453.424	142.978.211
269	3. Lợi thế thương mại	14	55.976.892.368	64.269.765.312
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**587.403.878.604**	**681.884.657.089**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2026 VND	01/04/2025 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**131.878.837.104**	**272.241.766.116**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**122.935.058.297**	**262.432.529.694**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	34.749.360.842	46.054.889.853
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	13.952.271.727	20.399.435.892
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	11.453.552.906	15.125.107.569
314	4. Phải trả người lao động		17.089.649.769	18.759.646.449
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.430.458.115	6.432.780.488
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	33.075.000	31.500.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	7.058.962.833	4.077.087.032
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	26.464.772.446	143.990.891.499
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	3.729.181.058	2.792.948.893
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.973.773.601	4.768.242.019
330	**II. Nợ dài hạn**		**8.943.778.807**	**9.809.236.422**
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	501.042.500	195.200.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34	4.042.200.000	3.880.920.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	4.400.536.307	5.733.116.422
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**455.525.041.500**	**409.642.890.973**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	23	**455.525.041.500**	**409.642.890.973**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		262.449.950.000	245.335.910.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*262.449.950.000*	*245.335.910.000*
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		4.100.100.000	4.100.100.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(721.880.000)	(721.880.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		77.802.734.791	54.017.663.634
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*33.062.327.251*	*8.850.004.569*
421b	*LNST chưa phân phối kỳ này*		*44.740.407.540*	*45.167.659.065*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		111.894.136.709	106.911.097.339
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**587.403.878.604**	**681.884.657.089**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Nữ	Nguyễn Minh Hoàn	Nguyễn Ngọc Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25**	**568.666.875.852**	**751.853.957.610**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**568.666.875.852**	**751.853.957.610**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**26**	**386.318.336.399**	**557.298.532.597**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**182.348.539.453**	**194.555.425.013**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	5.446.142.607	4.954.681.178
22	7. Chi phí tài chính	28	4.164.937.605	7.369.107.572
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*2.748.476.474*	*4.164.199.577*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(1.562.581.627)	(578.555.394)
25	9. Chi phí bán hàng	29	55.067.421.145	46.753.040.383
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	12.435.735.763	62.198.024.984
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**114.564.005.920**	**82.611.377.858**
31	12. Thu nhập khác	31	3.450.408.460	7.978.885.087
32	13. Chi phí khác	32	605.831.462	735.482.508
40	**14. Lợi nhuận khác**		**2.844.576.998**	**7.243.402.579**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**117.408.582.918**	**89.854.780.437**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	13.671.852.497	13.789.233.250
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	(172.075.213)	533.522.987
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**103.908.805.634**	**75.532.024.200**
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		71.152.551.855	46.979.656.109
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		32.756.253.779	28.552.368.091
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**35**	**2.719**	**1.721**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Nữ	Nguyễn Minh Hoàn	Nguyễn Ngọc Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***117.408.582.918***	***89.854.780.437***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.458.523.542	11.922.807.162
03	Các khoản dự phòng		(79.754.540.522)	(19.331.649.483)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(327.930.025)	161.442.200
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.439.999.284)	(1.965.739.061)
06	Chi phí lãi vay		2.748.476.474	4.164.199.577
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	(17.274.045)
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***53.093.113.103***	***84.788.566.787***
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		205.962.594.352	(225.476.928.314)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		7.101.944.387	(7.457.214.363)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(25.335.579.184)	(14.086.962.914)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.052.962.642)	(148.839.494)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.038.129.775)	(3.855.020.400)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.677.802.674)	(13.789.233.250)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.306.831.996)	(5.937.904)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***215.746.345.571***	***(180.031.569.852)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.515.174.712)	(440.125.286)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.338.560.232	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(95.323.028.873)	(45.465.032.014)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		51.781.770.781	101.068.645.789
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.203.407.916	3.767.051.663
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(44.514.464.656)***	***58.930.540.152***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026 VND	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		101.000.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(7.417.915.500)	(759.376.000)
33	3. Tiền thu từ đi vay		112.005.870.323	208.841.804.864
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(229.531.989.376)	(123.591.333.163)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(43.641.082.757)	(23.022.101.343)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(168.484.117.310)***	***61.468.994.358***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**2.747.763.605**	**(59.632.035.342)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**63.047.052.084**	**122.643.933.023**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		140.077.731	35.154.403
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**03**	**65.934.893.420**	**63.047.052.084**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Nữ	Nguyễn Minh Hoàn	Nguyễn Ngọc Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ ITD được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 262.449.950.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2026 là 262.449.950.000 VND; tương đương 26.244.995 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 là: 409 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2025 là: 418 người).

Lĩnh vực kinh doanh
Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động chính của Công ty là:
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 183,19 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 24,36%) và giá vốn hàng bán năm nay giảm 170,98 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 30,68%), dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 12,21 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 6,27%) so với kỳ trước. Nguyên nhân chủ yếu là do năm trước Công ty con thực hiện các gói thầu có giá trị lớn và đã nghiệm thu quyết toán hoàn thành. Năm nay các hợp đồng này đã đi đến giai đoạn kết thúc do đó giá trị doanh thu mang lại so với năm trước giảm mạnh.

Trong năm Công ty đã thu được tiền của khách hàng VETC dẫn đến hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi, do đó chi phí quản lý năm nay giảm 49,76 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ giảm 80,01%).

Tổng hòa các nguyên nhân trên làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 27,55 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ tăng 30,66%) so với năm trước.

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ ITD	TP. Hà Nội	Văn phòng đại diện

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/03/2026 bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	99,64%	99,64%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
Công ty Cổ phần Giải pháp ITD	TP. Hồ Chí Minh	99,70%	99,70%	Mua bán camera giám sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; Mua bán thiết bị điện, điện tử.
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	TP. Hồ Chí Minh	50,02%	53,24%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm BTS.
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty Cổ phần ITD Global	TP. Hồ Chí Minh	98,99%	98,99%	Sản xuất phần mềm tin học.

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con gián tiếp				
Công ty Cổ phần In No	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	99,96%	Buôn bán thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông.
Công ty TNHH Global - Sitem	TP. Hồ Chí Minh	31,89%	63,75%	Sản xuất phần mềm tin học.
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	TP. Hồ Chí Minh	29,67%	58,17%	Sản xuất phần mềm tin học.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026.

Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính các khoản dự phòng phải trả;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.
Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết năm báo cáo. Sau đó, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	31 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng, mức lương bình quân tháng tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước về phí bảo trì.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,...được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Việc trích trước chi phí để tạm tính hoạt động mua bán, cung cấp dịch vụ viễn thông tin học và hạ tầng giao thông nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán được phê duyệt, đã phát sinh thực tế nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần hàng hóa, dịch vụ đã hoàn thành trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa đã bán, dịch vụ đã hoàn thành.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion - Công ty con gián tiếp của Công ty đang được hưởng các chính sách ưu đãi thuế sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013	Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm theo mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế.	Đến hết năm 2032
Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015	Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế.	Miễn thuế đến hết năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp đến hết năm 2030

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Ngoại trừ công ty con - Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion được hưởng ưu đãi thuế nêu trên, các công ty con còn lại hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế cho năm tài chính từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, lắp đặt và cung cấp dịch vụ phần mềm và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
Tiền mặt	294.341.027	914.765.730
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.046.903.895	24.361.140.520
Các khoản tương đương tiền (*)	36.593.648.498	37.771.145.834
	65.934.893.420	**63.047.052.084**

(*) Tại ngày 31/03/2026, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 36.593.648.498 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,25%/năm đến 4,75%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	74.961.290.106	-	31.360.032.014	-
Đầu tư dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (2)	100.000.000	-	100.000.000	-
	75.061.290.106	**-**	**31.460.032.014**	**-**

(1) Tại ngày 31/03/2026, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 04 tháng đến 12 tháng và có giá trị 74.961.290.106 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,9%/năm đến 7,3%/năm.
Trong đó, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn trị giá 4.050.000.000 VND đã được dùng làm tài sản bảo đảm cho hạn mức bảo lãnh tại ngân hàng, các khoản đầu tư cùng loại trị giá 19.754.532.055 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 20).

(2) Tại ngày 31/03/2026, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng có giá trị 100.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất 5,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	31/03/2026			01/04/2025		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
				VND			VND
- Công ty Cổ phần Intelnet (*)	TP. Hồ Chí Minh	45,42%	45,42%	-	45,42%	45,42%	1.562.581.627
				-			**1.562.581.627**

(*) Công ty Cổ phần Intelnet tạm ngừng hoạt động theo giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh ngày 21/07/2025.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh 41.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	7.367.100.000	(7.367.100.000)	7.367.100.000	(7.367.100.000)
	7.367.100.000	**(7.367.100.000)**	**7.367.100.000**	**(7.367.100.000)**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về đơn vị đầu tư khác của Công ty vào ngày 31/03/2026 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2%	2%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	***2.820.000***	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	-	2.820.000	-
Bên khác	***247.878.803.363***	***(19.570.409.763)***	***440.394.699.521***	***(86.774.354.969)***
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel Group)	97.208.475.670	-	220.298.528.696	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	-	-	66.782.737.696	(65.737.148.599)
- Công ty Cổ phần Kho cảng Cái Mép	15.801.523.151	-	25.425.826.092	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	10.603.074.184	-	6.785.208.676	-
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Công ty Cổ phần	11.284.066.431	-	32.771.674.066	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E	6.144.077.100	-	256.689.650	-
- Công ty TNHH Giáo dục Ngôi Sao	3.092.882.671	(3.092.882.671)	3.092.882.671	(3.092.882.671)
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.721.094.257	-	5.502.915.540	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	1.631.238.947	-	3.453.062.438	-
- Công ty Cổ Phần Tập đoàn Trí Nam	1.881.426.951	-	2.731.944.469	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng 194	1.120.802.094	-	3.540.629.149	-
- Công ty Cổ phần Hawee Cơ điện	-	-	6.600.310.950	-
- Movitel, S.A	7.340.800.282	-	5.404.052.544	-
- Trung tâm Mạng lưới Mobifone Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	-	2.994.412.800	-
- Các đối tượng khác	90.049.341.625	(16.477.527.092)	54.753.824.084	(17.944.323.699)
	247.878.803.363	**(19.570.409.763)**	**440.397.519.521**	**(86.774.354.969)**

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp Sao Nam	11.293.206.274	-	18.447.998.940	-
- Công ty TNHH Vật tư Kỹ thuật Phúc Hưng	1.750.270.006	-	-	-
- Công ty TNHH Ates	1.215.423.117	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sản xuất Thương mại Tấn Dũng	-	-	5.948.268.950	-
- Công ty TNHH Kiến Trúc Nội Thất KPY	983.800.707	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quốc Việt	647.442.686	(647.442.686)	647.442.686	(647.442.686)
- Hansway Co., Ltd	-	-	3.323.419.090	-
- Công ty TNHH Tuyết Nga	-	-	1.191.190.000	-
- Trading and Solution Consulting Inc	-	-	1.082.309.280	-
- Trường Cao đẳng Đường sắt	742.153.927	-	742.153.927	-
- Các đối tượng khác	1.448.980.460	(93.947.650)	5.672.031.615	(93.947.650)
	18.081.277.177	**(741.390.336)**	**37.054.814.488**	**(741.390.336)**

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.505.144.158	-	610.516.618	-
- Phải thu về tạm ứng	1.126.994.479	-	2.358.671.832	-
- Ký cược, ký quỹ	5.685.746.106	-	737.014.723	-
- Phải thu về chi phí quản lý	3.539.019.302	-	2.959.443.772	-
- Phải thu phí chia sẻ tiện ích	405.600.000	(405.600.000)	405.600.000	(405.600.000)
- Phải thu người lao động	40.735.355	-	175.728.659	-
- Khác	559.339.971	(10.000.000)	330.884.551	(10.000.000)
	12.862.579.371	**(415.600.000)**	**7.577.860.155**	**(415.600.000)**
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.563.282.134	-	1.436.655.200	-
	1.563.282.134	**-**	**1.436.655.200**	**-**
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Ông Mai Hoài An	-	-	310.487	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	405.600.000	(405.600.000)	405.600.000	(405.600.000)
	405.600.000	**(405.600.000)**	**405.910.487**	**(405.600.000)**

8 . NỢ XẤU

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**20.235.471.694**	**665.061.931**	**88.472.633.896**	**1.698.278.927**
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	-	-	66.782.737.696	1.045.589.097
- Công ty Cổ phần Máy tính Hoàn Long	2.728.216.314	-	2.728.216.314	-
- Công ty TNHH Giáo dục Ngôi Sao	3.092.882.671	-	3.092.882.671	-
- Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
- Các khoản khác	8.321.211.836	665.061.931	9.775.636.342	652.689.830
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**741.390.336**	-	**741.390.336**	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quốc Việt	647.442.686	-	647.442.686	-
- Các khoản khác	93.947.650	-	93.947.650	-
Phải thu ngắn hạn khác	**415.600.000**	-	**10.000.000**	-
- Công ty cổ phần Intelnet	405.600.000	-	-	-
- Các khoản khác	10.000.000	-	10.000.000	-
	21.392.462.030	**665.061.931**	**89.224.024.232**	**1.698.278.927**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	906.531.883	-	780.708.900	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.532.105.339	(1.899.915.505)	2.653.201.786	(1.575.454.130)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.139.645.815	(177.900.909)	44.327.956.672	(12.397.476.884)
Thành phẩm	86.899.354	(10.147.815)	137.618.963	(6.614.771)
Hàng hoá	22.439.659.248	(4.554.797.448)	17.307.299.705	(4.969.101.894)
	58.104.841.639	**(6.642.761.677)**	**65.206.786.026**	**(18.948.647.679)**

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm và đầu năm:

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
- Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng phòng máy tổng trạm tại Trung tâm kỹ thuật	-	10.538.869.518
- Dự án đường sắt IVU&VNR	-	10.340.743.271
- Hệ thống ETC - ACV PHU QUOC	2.702.465.706	-
- Dự án HPE: Thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống thu phí ETC	1.523.296.550	381.605.362
- Dự án hệ thống thu phí không dừng ETC cho 13 Trạm thu phí - Giai đoạn 2	-	1.987.341.796
- Thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống thu phí ETC	739.112.820	6.259.484.605
- Thiết kế cung cấp thiết bị TTP - Dự án Diễn Châu Bãi Vọt	-	2.299.352.280
- Cung cấp phần mềm, nhân công lắp đặt thiết bị - ACV T2 Nội Bài	5.199.087.176	3.592.489.749
- Các dự án khác	21.975.683.563	8.928.070.091
	32.139.645.815	**44.327.956.672**

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	48.231.816.963	46.454.452.325	9.862.105.724	3.588.334.978	108.136.709.990
- Mua trong năm	-	-	1.330.149.455	278.409.917	1.608.559.372
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.633.930.000	-	-	2.633.930.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(514.611.492)	(3.048.447.182)	(118.069.000)	(3.681.127.674)
Số dư cuối năm	**48.231.816.963**	**48.573.770.833**	**8.143.807.997**	**3.748.675.895**	**108.698.071.688**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	20.792.132.646	24.851.464.921	6.067.244.198	2.900.919.297	54.611.761.062
- Khấu hao trong năm	1.565.202.966	2.512.481.172	1.360.596.534	350.782.549	5.789.063.221
- Thanh lý, nhượng bán	-	(126.676.632)	(3.048.447.182)	(71.989.083)	(3.247.112.897)
Số dư cuối năm	**22.357.335.612**	**27.237.269.461**	**4.379.393.550**	**3.179.712.763**	**57.153.711.386**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	27.439.684.317	21.602.987.404	3.794.861.526	687.415.681	53.524.948.928
Tại ngày cuối năm	**25.874.481.351**	**21.336.501.372**	**3.764.414.447**	**568.963.132**	**51.544.360.302**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.969.950.788 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	24.053.529.245	2.442.485.261	26.496.014.506
- Mua trong năm	-	502.885.340	502.885.340
Số dư cuối năm	**24.053.529.245**	**2.945.370.601**	**26.998.899.846**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.111.300.943	1.114.637.934	12.225.938.877
- Khấu hao trong năm	767.665.836	608.921.541	1.376.587.377
Số dư cuối năm	**11.878.966.779**	**1.723.559.475**	**13.602.526.254**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	12.942.228.302	1.327.847.327	14.270.075.629
Tại ngày cuối năm	**12.174.562.466**	**1.221.811.126**	**13.396.373.592**

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145 m^2, thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty và cho thuê.

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 616.071.911 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	328.237.865	248.298.470
- Chi phí mua bảo hiểm	61.040.716	65.165.908
- Chi phí phần mềm	189.441.875	184.166.732
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	178.794.392	193.022.667
	757.514.848	**690.653.777**
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.260.559.242	987.822.419
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	4.027.966.289	829.336.129
- Chi phí phần mềm	100.415.025	53.550.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	563.648.733	95.779.170
	5.952.589.289	**1.966.487.718**

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion
	VND
Nguyên giá	
- Số dư đầu năm	82.928.729.434
- **Số dư cuối năm**	**82.928.729.434**
Giá trị hao mòn lũy kế	
- Số dư đầu năm	18.658.964.122
- Số phân bổ trong năm	8.292.872.944
- **Số dư cuối năm**	**26.951.837.066**
Giá trị còn lại	
- Tại ngày đầu năm	64.269.765.312
- **Tại ngày cuối năm**	**55.976.892.368**

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2026		01/04/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Erico Products Australia Pty Ltd	1.091.473.154	1.091.473.154	3.500.942.991	3.500.942.991
- Stulz - Germany	6.007.216.803	6.007.216.803	378.367.809	378.367.809
- Công ty Cổ phần Cảng Đông Xuyên	1.332.524.835	1.332.524.835	1.979.924.835	1.979.924.835
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh BKRE Bách Khoa	3.423.798.790	3.423.798.790	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Đỗ Gia	1.524.701.677	1.524.701.677	2.443.439.282	2.443.439.282
- Công ty Cổ phần Công nghệ VVT	3.956.677.200	3.956.677.200	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Năng Lượng	953.339.369	953.339.369	1.460.324.034	1.460.324.034
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Giao thông Đông Hải	531.520.000	531.520.000	531.520.000	531.520.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	-	-	4.706.962.826	4.706.962.826
- ABB Pte. Ltd.	-	-	3.455.595.000	3.455.595.000
- Công ty Cổ phần Vietstar Meiden	-	-	3.499.846.999	3.499.846.999
- Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Ngày mới	-	-	1.654.539.156	1.654.539.156
- Các đối tượng khác	15.928.109.014	15.928.109.014	22.443.426.921	22.443.426.921
	34.749.360.842	**34.749.360.842**	**46.054.889.853**	**46.054.889.853**

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Cty Ivu Traffic Technologies Ag-TC T/H Gói thầu EPC cho DA"HĐH TT Điều Hành VT Đường sắt - OCC" tại VN	681.455.732	681.455.732
- Công ty Cổ phần Cảng Hàng Không Mặt Trời	1.476.475.779	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	691.949.052	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom	469.222.100	-
- Chi cục Hải quan Khu vực XIX	441.782.950	-
- Ban Quản lý Dự án ODA - Đại học Đà Nẵng	708.434.898	8.961.213.580
- Các đối tượng khác	9.482.951.216	10.756.766.580
	13.952.271.727	**20.399.435.892**

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	18.677.216	2.956.996.711	11.000.511.378	13.255.582.090	-	683.248.783
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	15.926.453	15.926.453	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.314.400.959	1.314.400.959	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.557.054	10.967.828.797	13.732.546.932	14.677.802.674	90.557.054	10.022.573.055
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.200.116.308	17.765.386.942	18.217.772.182	-	747.731.068
- Các loại thuế khác	-	3	798.875.408	798.875.411	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	165.750	60.144.523	60.310.273	-	-
	109.234.270	**15.125.107.569**	**44.687.792.595**	**48.340.670.042**	**90.557.054**	**11.453.552.906**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
- Chi phí thi công công trình	4.377.103.997	5.023.733.332
- Trích trước chi phí lãi vay	73.911.572	363.564.873
- Chi phí phải trả khác	979.442.546	1.045.482.283
	5.430.458.115	**6.432.780.488**

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	80.547.800	75.740.400
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.837.070.825	225.494.825
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	285.403.440	375.667.440
- Phải trả về thù lao Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán	192.000.000	153.500.000
- Phải trả tiền mượn các cá nhân	-	2.623.801.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	663.940.768	622.883.367
	7.058.962.833	**4.077.087.032**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	501.042.500	195.200.000
	501.042.500	**195.200.000**

20 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/04/2025		Trong năm		31/03/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	7.156.004.270	7.156.004.270	18.197.069.653	16.434.624.947	8.918.448.976	8.918.448.976
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh (2)	-	-	14.848.250.220	299.789.750	14.548.460.470	14.548.460.470
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	-	-	4.657.065.486	4.657.065.486	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 (3)	-	-	2.070.613.000	72.750.000	1.997.863.000	1.997.863.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	-	-	660.921.913	660.921.913	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	92.700.688.414	92.700.688.414	42.949.236.183	135.649.924.597	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	9.993.533.930	9.993.533.930	13.266.587.266	23.260.121.196	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	6.805.409.615	6.805.409.615	4.706.962.826	11.512.372.441	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	705.724.399	705.724.399	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	15.285.255.270	15.285.255.270	893.439.377	16.178.694.647	-	-
- Vay cá nhân (4)	12.050.000.000	12.050.000.000	9.050.000.000	20.100.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	143.990.891.499	**143.990.891.499**	**112.005.870.323**	**229.531.989.376**	**26.464.772.446**	**26.464.772.446**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc cuối năm
					VND
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng cấp tín dụng số 20/95694/25-BL3/CTD ngày 14/03/2025	Theo từng Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ cụ thể	Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 9 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, phát hành bảo lãnh, mở L/C	Thế chấp tài sản là toàn bộ quyền tài sản bao gồm nhưng không giới hạn: Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác; Quyền hưởng hoa lợi, lợi tức, lợi ích khác bằng tiền được hình thành từ hợp đồng; Quyền được bồi thường thiệt hại theo hợp đồng Cầm cố tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Công ty	8.918.448.976
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng cấp tín dụng số 51/2025-HĐCVHM/NHCT904-TANTIEN ngày 06/11/2025	Theo từng giấy nhận nợ và điều chỉnh 1 tháng một lần theo thông báo điều chỉnh lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 9 tháng	Bổ sung vốn lưu động phụ vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	14.548.460.470
(3) Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Quận 11					
Hợp đồng tín dụng số SHBVN/Q11/14032025/HDTD/BESTARION ngày 31/03/2025	7,78%/năm	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản bảo đảm	1.997.863.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc cuối năm
					VND
(4) Vay của cá nhân ông Huỳnh Kim Sang gồm các hợp đồng sau:					
Hợp đồng vay tiền số 01/2024/GSC-CN ngày 10/06/2024 và các Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung	6,00%/năm	Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 01/07/2026	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	500.000.000
Hợp đồng vay tiền số 02/2025/GSC-CN ngày 25/03/2025 và các Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung	6,00%/năm	Từ ngày 25/03/2025 đến ngày 25/09/2026	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp	500.000.000
					26.464.772.446

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
Tiền nhận trước về dịch vụ bảo trì	33.075.000	31.500.000
	33.075.000	**31.500.000**

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình	3.729.181.058	2.792.948.893
	3.729.181.058	**2.792.948.893**
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình	4.034.879.307	5.397.766.422
- Dự phòng trợ cấp thôi việc	365.657.000	335.350.000
	4.400.536.307	**5.733.116.422**

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**245.335.910.000**	**4.100.100.000**	**(721.880.000)**	**8.839.165.907**	**102.671.828.566**	**360.225.124.473**
Lãi trong năm trước	-	-	-	46.979.656.109	28.552.368.091	75.532.024.200
Chia cổ tức các năm trước tại công ty con	-	-	-	-	(7.861.543.153)	(7.861.543.153)
Tạm ứng cổ tức năm nay tại công ty con	-	-	-	-	(15.160.558.190)	(15.160.558.190)
Mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	33.024.000	(792.400.000)	(759.376.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	32.181.345	(32.181.345)	-
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(638.906.344)	-	(638.906.344)
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay	-	-	-	135.166.779	-	135.166.779
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	-	(68.598.331)	-	(68.598.331)
Hoàn nhập Quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con	-	-	-	14.231.648	1.762.825	15.994.473
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại công ty con	-	-	-	(1.308.257.479)	(468.179.455)	(1.776.436.934)
Số dư đầu năm nay	**245.335.910.000**	**4.100.100.000**	**(721.880.000)**	**54.017.663.634**	**106.911.097.339**	**409.642.890.973**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu tại công ty mẹ	17.114.040.000	-	-	(17.114.040.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	71.152.551.855	32.756.253.779	103.908.805.634
Chi trả cổ tức các năm trước bằng tiền tại công ty con	-	-	-	-	(8.842.475.508)	(8.842.475.508)
Tạm ứng cổ tức năm nay bằng tiền tại công ty mẹ	-	-	-	(26.172.807.000)	-	(26.172.807.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay bằng tiền tại công ty con	-	-	-	-	(14.237.376.249)	(14.237.376.249)
Đầu tư mua vốn góp trong năm	-	-	-	-	101.000.000	101.000.000
Lỗ do mua lại phần vốn góp tại công ty con	-	-	-	(4.375.445.500)	(3.042.470.000)	(7.417.915.500)
Tăng/Giảm do điều chỉnh lại tỷ lệ	-	-	-	1.462.685.515	(1.462.685.515)	-
Trích thù lao HĐQT công ty mẹ năm 2024	-	-	-	(230.000.000)	-	(230.000.000)
Trích thù lao HĐQT công ty con năm 2024	-	-	-	(294.054.768)	(25.945.232)	(320.000.000)
Quyết toán Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	-	(80.001.630)	34.972.780	(45.028.850)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty con	-	-	-	(239.337.315)	(298.234.685)	(537.572.000)
Giảm khác	-	-	-	(324.480.000)	-	(324.480.000)
Số dư cuối năm nay	**262.449.950.000**	**4.100.100.000**	**(721.880.000)**	**77.802.734.791**	**111.894.136.709**	**455.525.041.500**

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*245.335.910.000*	*245.335.910.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	*17.114.040.000*	-
- *Vốn góp cuối năm*	***262.449.950.000***	***245.335.910.000***
Cổ tức, lợi nhuận		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.842.475.508	7.861.543.153
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	40.410.183.249	15.160.558.190

c) Cổ phiếu

	31/03/2026	01/04/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.244.995	24.533.591
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*26.244.995*	*24.533.591*
Số lượng cổ phiếu được mua lại *(cổ phiếu quỹ)*		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*72.188*	*72.188*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*26.172.807*	*24.461.403*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

a) Ngoại tệ các loại

	31/03/2026	01/04/2025
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	54.629,40	409.292,18
- Đồng Euro (EUR)	803,69	181,82
- Đô la Úc (AUD)	7.238,22	81.942,74

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	113.400.281	113.400.281
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	2.310.000.000	2.310.000.000
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 - Công ty Cổ phần	366.026.993	366.026.993
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh	25.722.297.673	25.722.297.673
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt	116.478.432	116.478.432
- Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Thuận Cường	129.614.730	129.614.730
- Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Thông tin Viễn Đạt	41.715.000	41.715.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Điều khiển và Tự động hóa Dầu khí Việt Nam (PV&I)	14.999.990	14.999.990
- Chi nhánh Xây dựng và Cơ điện Công trình - Tổng Công ty Viwaseen	92.100.487	92.100.487
- Công ty TNHH Cường Nguyễn	7.069.040	7.069.040
- Công ty TNHH Phát triển và Phân phối sản phẩm Âu Lạc	14.577.393	14.577.393
- Công ty TNHH Tự động hóa Eresson	51.498.748	51.498.748
- Công ty Cổ phần CT Sóng Thần	2.088.566	2.088.566
- Công ty TNHH Hanel CSF	2.094.339.437	2.094.339.437
- Công ty Cổ phần Siêu Liên Kết	4.039.200	4.039.200
- Ban quản lý các dự án, xây dựng Công trình, Văn hóa, Thể thao và Du lịch	518.880.000	518.880.000
- Pointsoft (M) Sdn Bhd	21.790.000	21.790.000
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ TDN	19.298.036	19.298.036
- Công ty Cổ phần Nahi	1.279.618.014	-
- Khác	728.793.053	678.793.053
	33.900.010.953	**32.570.392.939**

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	272.987.800.524	446.898.297.639
Doanh thu bán thành phẩm	2.938.257.000	98.707.998.886
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	292.740.818.328	206.247.661.085
	568.666.875.852	**751.853.957.610**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	-	**2.820.000**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	206.096.325.636	361.440.207.532
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.652.979.471	69.461.442.062
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật đã cung cấp	190.259.722.420	128.429.403.004
(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(11.690.691.128)	(2.032.520.001)
	386.318.336.399	**557.298.532.597**

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	3.098.035.456	2.336.853.407
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	396.216.073	20.834.793
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	207.441.048
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.602.482.667	2.299.779.949
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	349.408.411	28.091.470
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	61.681.411
	5.446.142.607	**4.954.681.178**
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan	-	**207.441.048**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.748.476.474	4.164.199.577
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.394.982.745	2.454.274.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	21.478.386	189.533.670
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	561.100.000
	4.164.937.605	**7.369.107.572**

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	595.729.118	626.361.156
Chi phí nhân công	39.272.372.288	33.686.341.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.499.688	322.975.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.806.977.249	8.615.688.608
Chi phí bán hàng khác	7.249.842.802	3.501.673.557
	55.067.421.145	**46.753.040.383**

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.069.042.617	777.342.250
Chi phí nhân công	49.904.764.620	47.321.960.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.837.450.996	1.214.708.738
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(65.924.327.192)	(5.151.938.462)
Thuế, phí, lệ phí	273.079.830	271.106.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.154.378.419	5.151.884.194
Phân bổ lợi thế thương mại	8.292.872.944	8.292.872.943
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.828.473.529	4.320.088.643
	12.435.735.763	**62.198.024.984**

31 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	904.545.455	2.727.273
Thu nhập từ cho thuê xe	233.333.332	233.333.332
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.002.282.845	2.778.882.524
Hoàn nhập Quỹ khoa học công nghệ	-	687.982.184
Công nợ được xóa	-	3.565.364.754
Thu nhập khác	310.246.828	710.595.020
	3.450.408.460	**7.978.885.087**

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Các khoản bị phạt	554.270.814	493.650.589
Chi phí khác	51.560.648	241.831.919
	605.831.462	**735.482.508**

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	3.140.057.701	310.073.570
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	10.531.794.796	13.479.159.680
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**13.671.852.497**	**13.789.233.250**

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	557.453.424	142.978.211
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**557.453.424**	**142.978.211**

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/03/2026	01/04/2025
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế TNDN hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	4.042.200.000	3.880.920.000
	4.042.200.000	**3.880.920.000**

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
- Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(442.078.200)	-
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.602.987	27.602.987
- Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	242.400.000	505.920.000
	(172.075.213)	**533.522.987**

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	71.152.551.855	46.979.656.109
Các khoản điều chỉnh	(239.337.315)	(1.947.163.823)
- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*	*(239.337.315)*	*(1.947.163.823)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	71.152.551.855	45.032.492.286
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	26.172.807	26.172.807
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.719**	**1.721**

Một số Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026 căn cứ vào quyết định phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	81.505.989.809	245.880.154.290
Chi phí nhân công	192.574.441.566	179.567.396.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.165.650.598	6.970.007.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.355.588.138	81.768.343.914
Chi phí khác bằng tiền	25.551.585.812	24.122.507.005
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(63.625.398.148)	(4.941.936.293)
	355.527.857.775	**533.366.472.201**

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:
Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2026				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.640.552.393	-	-	65.640.552.393
Phải thu khách hàng, phải thu khác	240.755.372.971	1.563.282.134	-	242.318.655.105
Các khoản cho vay	74.961.290.106	100.000.000	-	75.061.290.106
	381.357.215.470	**1.663.282.134**	**-**	**383.020.497.604**
Tại ngày 01/04/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.132.286.354	-	-	62.132.286.354
Phải thu khách hàng, phải thu khác	360.785.424.707	1.436.655.200	-	362.222.079.907
Các khoản cho vay	31.420.032.014	100.000.000	-	31.520.032.014
	454.337.743.075	**1.536.655.200**	**-**	**455.874.398.275**

Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2026				
Vay và nợ	26.464.772.446	-	-	26.464.772.446
Phải trả người bán, phải trả khác	41.808.323.675	501.042.500	-	42.309.366.175
Chi phí phải trả	5.430.458.115	-	-	5.430.458.115
	73.703.554.236	**501.042.500**	**-**	**74.204.596.736**
Tại ngày 01/04/2025				
Vay và nợ	143.990.891.499	-	-	143.990.891.499
Phải trả người bán, phải trả khác	50.131.976.885	195.200.000	-	50.327.176.885
Chi phí phải trả	6.432.780.488	-	-	6.432.780.488
	200.555.648.872	**195.200.000**	**-**	**200.750.848.872**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

		Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
		VND	VND
a)	**Số tiền đi vay thực thu trong năm**		
	Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường:	112.005.870.323	208.841.804.864
b)	**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**		
	Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	229.531.989.376	123.591.333.163

39 . THÔNG TIN KHÁC

a) Thông tin về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 26/06/2025, Công ty thông qua phương án phát hành như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ ITD;
- Mã cổ phiếu: ITD;
- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD có tên trong danh sách người sở hữu cổ phiếu của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
- Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 7.852.110 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 78.521.100.000 VND;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:03. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 03 cổ phiếu phát hành thêm;
- Các hạn chế liên quan đến việc hạn chế chuyển nhượng:
  + Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng;
  + Trường hợp Công ty thực hiện phân phối cổ phiếu chưa chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;

  Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được cân đối sử dụng cho các mục đích sau:
  + Tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu: 30.000.000.000 VND;
  + Góp vốn thành lập/Tăng vốn Điều lệ Công ty Cổ phần ITD Global : 48.521.100.000 VND;
- Thời gian thực hiện: Trong năm tài chính 2025 (trước ngày 31/03/2026), ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.
- Kết quả thực hiện: Trong năm 2025, do có nhiều thay đổi liên quan đến định hướng và phương án triển khai, Hội đồng Quản trị nhận thấy thời điểm hiện tại chưa phù hợp để thực hiện phương án phát hành cổ phần. Vì vậy, Hội đồng Quản trị dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, quyết định đối với phương án này và sẽ công bố phù hợp với quy định hiện hành.

b) Thông tin về vụ kiện với Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC

Vào ngày 30/10/2022, Công ty đã gửi đến Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC ("VETC") thanh toán các khoản nợ quá hạn với số tiền 61.425.222.328 VND và tiền lãi tạm tính là 23.339.041.056 VND (tổng số tiền phải trả là 84.764.263.384 VND).

Tại phiên xử ngày 07/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã ban hành Bản án số 78/2023/KDTM-ST về việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cung ứng thiết bị, theo đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty. Buộc VETC phải trả cho Công ty tổng số tiền là 91.722.815.487 VND (trong đó 61.425.222.328 VND là số tiền nợ gốc còn phải trả và 30.297.593.160 VND là số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 07/09/2023).

Vào ngày 14/09/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã nhận được đơn kháng cáo của VETC về bản án trên.

Căn cứ theo Biên bản làm việc ngày 16/12/2025, số tiền VETC phải trả cho ITD là 90.668.441.912 VND, trong đó công nợ còn phải thanh toán tính đến 31/03/2023 VETC xác nhận là 68.549.423.798 VND, chênh lệch 50.000.000 VND so với số ITD theo dõi. Hai bên thống nhất số tiền chênh lệch sẽ được xóa nợ.

Từ ngày 01/04/2025 đến nay Công ty đã thu hồi 66.782.737.696 VND. Số tiền trích lập dự phòng trước đó 65.737.148.599 VND đã thực hiện hoàn nhập trong năm.

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty con đã giải thể trong năm trước
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nam Minh	Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion - Công ty con của Công ty
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Uỷ ban kiểm toán	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	**2.820.000**
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	2.820.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	**207.441.048**
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	-	207.441.048
Lãi đi vay	-	**75.342.466**
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	-	75.342.466

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Từ 01/04/2025 đến 31/03/2026	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		**5.446.139.320**	**3.209.551.847**
- Ông Mai Hoài An	Chủ tịch HĐQT	743.736.636	91.900.000
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	119.787.765	82.900.000
- Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.510.787.765	82.900.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó chủ tịch HĐQT *(Miễn nhiệm từ 26/06/2025)*	56.001.689	1.520.844.985
- Ông Đinh Thế Hiển	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	112.859.073	49.000.000
- Ông Võ Xuân Vinh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	49.000.000	
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng Ban kiểm soát *(Miễn nhiệm từ 26/06/2025)*	56.001.689	58.100.000
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc Kiểm soát nội bộ *(Miễn nhiệm từ 30/04/2026)*	1.008.035.250	644.912.500
- Bà Trần Thị Thu Tâm	Thành viên ban kiểm soát *(Miễn nhiệm từ 26/06/2025)*	40.286.921	48.900.000
- Ông Nguyễn Minh Hoàn	Kế toán trưởng *(Bổ nhiệm từ 05/09/2025)*	274.681.818	-
- Bà Vũ Thị Nữ	Kế toán trưởng *(Miễn nhiệm từ 05/09/2025)*	474.960.714	167.084.325
- Bà Trương Thị Phương Dung	(*)	-	463.010.037

(*) Kế toán trưởng miễn nhiệm trong năm trước

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Nữ	Nguyễn Minh Hoàn	Nguyễn Ngọc Trung